



ĐÚNG & ĐỦ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trang 4 - 5

2 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Mô hình tổ chức
Ban lãnh đạo
Báo cáo quản trị 2021
Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS và BGD
Tăng cường quản trị công ty
Rủi ro và Quản trị rủi ro

Trang 20 - 37

1 GIỚI THIỆU CHUNG

Thông tin chung
Ngành nghề & Địa bàn kinh doanh
Vị thế
Định hướng phát triển

Trang 6 - 19

3 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tổng quan nền kinh tế Việt Nam và tình hình chung ngành năm 2021
Tình hình hoạt động kinh doanh, đầu tư năm 2021
Tổ chức và nhân sự
Tình hình tài chính
Thông tin về cổ phiếu, cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trang 38 - 51

4 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Tổng quan tình hình kinh tế Việt Nam năm 2021
Kết quả hoạt động kinh doanh 2021
Mục tiêu, giải pháp và kế hoạch 2022

Trang 56 - 59

5 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá kết quả năm 2021
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD
Kế hoạch, định hướng năm 2022

Trang 60 - 65

6 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững
Các chỉ tiêu phát triển bền vững

Trang 66 - 69

7 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trang 70 - 96

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư CFM, Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin được gửi lời cảm ơn và lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý vị vì sự đồng hành cùng Công ty Cổ phần Đầu tư CFM trong một năm 2021 đầy những biến động. Năm 2021, tình hình kinh tế - xã hội thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề từ những diễn biến mới của đại dịch COVID-19. Các biến chứng vi rút mới xuất hiện khiến cho quá trình giãn cách kéo dài hơn trong khi lại làm giảm hiệu quả của các chiến dịch tiêm vắc xin. Chính điều này đã khiến cho tốc độ phục hồi kinh tế của các khu vực

trên thế giới bị chậm lại đáng kể. Đi kèm với đó là những mối lo từ lạm phát tăng cao khi các quốc gia thực thi các chính sách tài khóa và tiền tệ, gián đoạn chuỗi cung ứng và chi phí vận tải gia tăng cũng như hoạt động thương mại tự do bị ảnh hưởng do các lệnh đóng cửa biên giới và giãn cách. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng GDP 2,58% chủ yếu do ảnh hưởng của làn sóng dịch bệnh khiến nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội trong Quý III. Chính phủ đã có những đường lối chính xác và kịp thời trong công tác phòng chống dịch để vẫn đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế, đặc biệt là chủ trương sống chung với dịch bệnh trong bối cảnh bình thường mới với nền tảng là một chiến dịch bao phủ

vắc xin toàn quốc cực kỳ quyết liệt và hiệu quả. Chính yếu tố này đã giúp cho kinh tế Việt Nam vẫn giữ đà tăng trưởng, đặc biệt là ở mảng xuất nhập khẩu cũng như ngành dịch vụ tài chính, bất chấp những khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất.

Trong năm 2021 vừa qua, tuy tình hình dịch bệnh đã khả quan hơn nhưng nhìn chung ngành dịch vụ hỗ trợ giáo dục nói chung và các hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ của Công ty nói riêng vẫn chịu tác động rất tiêu cực. Doanh thu của Công ty đến từ dịch vụ đào tạo và tổ chức sự kiện vẫn bị ảnh hưởng do không thể hoạt động liên tục trong điều kiện giãn cách và các quy định cấm tụ tập được áp dụng, tuy nhiên doanh thu trong năm 2021 đã có những khởi sắc nhất định so với năm 2020 trong bối cảnh bình thường mới. Dẫu vậy, các hoạt động đào tạo trực tiếp cũng như xúc tiến tại các thị trường quốc tế vẫn chưa thể diễn ra theo kế hoạch. Trong bối cảnh môi trường kinh doanh gặp nhiều khó khăn, Ban lãnh đạo Công ty và cán bộ công nhân viên đã chung sức đồng lòng, quyết tâm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó trong năm 2021, Công ty đã đạt được kết quả doanh thu vượt trội so với năm trước là 3.999.000.000 đồng, tăng 75% so với 2020. Tuy đây vẫn là kết quả chưa đủ khả quan so với kế hoạch đề ra nhưng đây vẫn là kết quả khả quan trong bối cảnh thị trường dịch vụ đào tạo và tổ chức sự kiện vẫn chưa trở lại trạng thái hoạt động bình thường.

Năm 2022, kinh tế thế giới được dự báo sẽ có chiều hướng xấu đi do ảnh hưởng từ việc thắt chặt các gói hỗ trợ kinh tế khi đại dịch đã phần nào được kiểm tỏa và đặc biệt là xung đột giữa Nga và Ukraine tác động xấu đến các thị trường hàng

triệu dân và sẽ gây ra sự bất ổn trong thời gian dài. Các tác động tiêu cực sẽ góp phần tạo áp lực lên lạm phát, vốn đã được dự báo là sẽ gia tăng. Tuy nhiên, trạng thái bình thường mới sau khi tỉ lệ tiêm chủng được đảm bảo là cơ sở để các hoạt động thương mại, các hoạt động tập trung đông người được diễn ra bình thường. Đây sẽ chính là điều kiện để ngành dịch vụ đào tạo và tổ chức sự kiện bắt đầu trở lại sau 2 năm bị gián đoạn do dịch bệnh. Đứng trước năm 2022 vẫn đầy thách thức nhưng không ít cơ hội mới, Công ty sẽ tiếp tục ổn định và duy trì hoạt động kinh doanh cốt lõi là dịch vụ đào tạo, tư vấn trong mảng quản trị doanh nghiệp. Cùng với đó, Công ty sẽ tập trung ưu tiên đẩy mạnh truyền thông và tiếp thị để mở rộng thị trường khách hàng và tăng giá trị vòng đời khách hàng dựa trên nền tảng các khách hàng hiện tại của Công ty, nghiên cứu triển khai dòng dịch vụ đào tạo qua nền tảng trực tuyến cũng như tái triển khai các dịch vụ đào tạo trực tiếp, kịp thời thích nghi với trạng thái "bình thường mới" của Việt Nam.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành cam kết sẽ phấn đấu hết mình vì sự nghiệp phát triển bền vững của CFM. Thay mặt Hội đồng quản trị, Chúng tôi chân thành cảm ơn sự tin yêu, đồng hành và chia sẻ của Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác; cảm ơn tập thể người lao động đã nỗ lực cống hiến hết mình trong suốt thời gian qua. Chúng tôi hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ quý báu của Quý vị để chúng ta có thể cùng vững bước trên con đường phát triển của Công ty, nâng tầm thương hiệu và gia tăng lợi ích lâu dài cho Quý Cổ đông, Khách hàng, đối tác và toàn thể người lao động.

Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2022
Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty
Chủ tịch Hội đồng quản trị



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Quốc Trung

GIỚI THIỆU CHUNG

Thông tin chung

Ngành nghề & Địa bàn kinh doanh

Vị thế

Định hướng phát triển

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát



Tên giao dịch:

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Đầu tư CFM
- Tên tiếng Anh: CFM Investment Joint Stock Company



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

0107952805 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/08/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 15/09/2020



Vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 20.000.000.000 đồng



Địa chỉ:

- Trụ sở chính: Sàn thương mại dịch vụ tầng 02 (A2-6-02), Dự án Ngôi sao An Bình 2 (An Bình City), Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 0866885958
- Email: admin@cfminvestment.com
- Website: <http://www.cfminvestment.com>



Cổ phiếu:

- Mã cổ phiếu: CFM
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần
- Tổng số cổ phần: 2.000.000 cổ phần



Slogan:

Đúng & Đủ

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi



Tầm nhìn:

Công ty định hướng trở thành một đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực đào tạo và tư vấn về tài chính cho doanh nghiệp vừa và nhỏ



Sứ mệnh:

Nâng tầm chuẩn mực quản trị tài chính cho doanh nghiệp vừa và nhỏ



Giá trị cốt lõi:

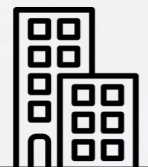
Chân Thành: Luôn nhất quán, thẳng thắn trong mối quan hệ với đối tác và khách hàng.

Tiên Phong: Luôn cập nhật, đổi mới các chiến lược và tư duy tài chính thành công trên thế giới và Việt Nam để hỗ trợ các khách hàng quản trị tài chính doanh nghiệp hiệu quả và tối ưu.

Đồng Cảm: Luôn đặt mình vào bối cảnh của khách hàng và đối tác, từ đó linh hoạt tư vấn áp dụng chiến lược tài chính phù hợp với dữ liệu thực tế

Quá trình hình thành phát triển

2017



Thành lập Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư CFM được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0107952805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07/08/2017 với 7 cổ đông sáng lập, vốn điều lệ đăng ký là 20.000.000.000 đồng. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Dịch vụ hỗ trợ giáo dục

2018



Đi vào hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư CFM bắt đầu hoạt động kinh doanh và phát sinh doanh thu, cụ thể là hoạt động đào tạo và tư vấn cho các đối tác về quản trị DN.

2019



Mở rộng kinh doanh

Công ty Cổ phần Đầu tư CFM quyết định mở rộng quy mô kinh doanh, phát triển ra thị trường nước ngoài, cụ thể là một số thị trường như Malaysia, Philippines, Singapore và mở rộng hoạt động Li xăng, Công ty hợp tác thêm với các chuyên gia, giảng viên muốn tham gia thị trường mà Công ty đang khai thác. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thống nhất thông qua chủ trương đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Đầu tư CFM tại sàn UPCoM.

2020



Trở thành Công ty Đại chúng

Vào ngày 16/12/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận Công ty Cổ phần Đầu tư CFM trở thành Công ty Đại chúng.

2020



Đăng ký chứng khoán

Vào ngày 25/12/2020, Công ty Cổ phần Đầu tư CFM được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận Đăng ký chứng khoán số 84/2020/GCNCP-VSD, mã chứng khoán: CFM, số lượng chứng khoán đăng ký là 2.000.000 cổ phiếu.

2021



Đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM

Vào ngày 25/01/2021, Cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư CFM chính thức đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CFM.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2020	2021
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Tổng Doanh thu	VND	3.112.198.344	2.284.080.000	3.999.000.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VND	1.807.609.089	2.284.080.000	3.999.000.000
Giá vốn hàng bán	VND	1.190.683.470	1.111.686.375	1.877.593.432
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VND	616.925.619	1.172.393.625	2.121.406.568
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	VND	800.652.546	303.560.511	148.327.226
Chi phí hoạt động	VND	1.875.395.162	1.795.407.809	2.125.267.472
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	VND	-457.816.997	-319.453.673	144.466.322
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	VND	-14.235.976	-1.999.866	-7.368.299
Lợi nhuận trước thuế	VND	-472.052.973	-321.453.539	137.098.023
Lợi nhuận sau thuế	VND	-472.052.973	-321.453.539	137.098.023
Bảng cân đối kế toán				
Tổng tài sản	VND	20.623.614.971	20.242.281.830	20.658.615.392
Vốn chủ sở hữu	VND	19.410.942.582	19.089.489.043	19.226.587.066
Nợ phải trả	VND	1.212.672.389	1.152.792.787	1.432.028.326
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu				
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	-4,50	-1,67	0,71
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	-2,53	-1,57	0,66



20.658.615.392 đồng

Tăng 2,06% so với năm 2020

TỔNG TÀI SẢN NĂM 2021



137.098.023 đồng

Lợi nhuận dương trở lại sau 2 năm lỗ ròng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2021



0,71%

Cải thiện so với hiệu suất âm năm 2020

ROE NĂM 2021



0,66%

Cải thiện so với hiệu suất âm năm 2020

ROA NĂM 2021



3.999.000.000 đồng

Tăng 75,08% so với năm 2020

DOANH THU THUẦN NĂM 2021

NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Cung cấp dịch vụ đào tạo

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM là cung cấp dịch vụ đào tạo, tư vấn phát triển kinh doanh, xúc tiến thương mại cho những chủ dự án, doanh nghiệp vừa và nhỏ muốn khởi nghiệp, mở rộng kinh doanh và hướng dẫn các chủ dự án xây dựng mô hình chuỗi như: nhà hàng, khách sạn, cà phê, nha khoa, sản xuất hàng tiêu dùng....

- Xây dựng giá trị cốt lõi của doanh nghiệp để có thể nhân bản chuỗi, cấp phép hoặc nhượng quyền thương hiệu.
- Xây dựng quy trình quản trị kế toán cho hệ thống chuỗi.
- Các phương pháp định giá doanh nghiệp cơ bản trong chuỗi và nhượng quyền.

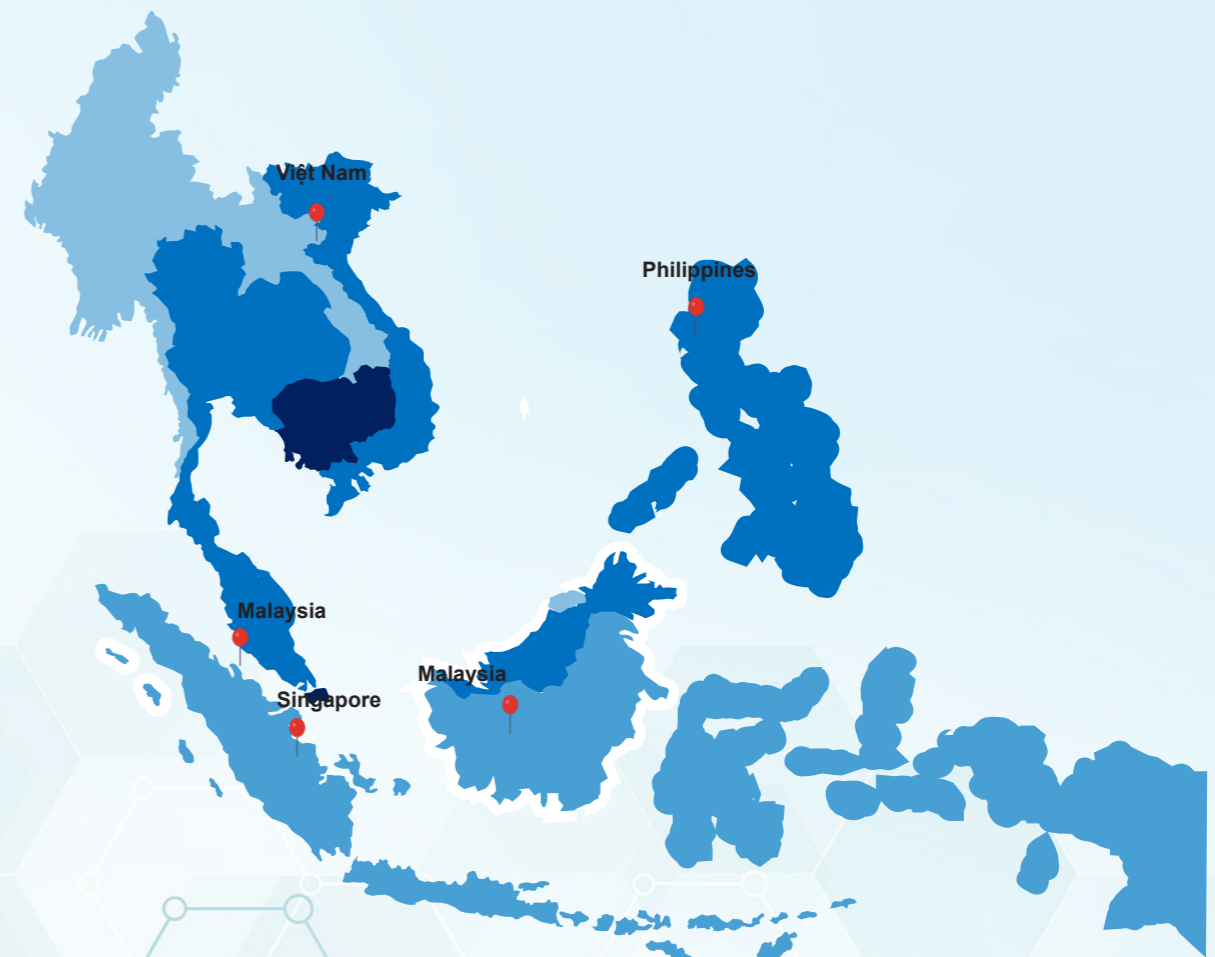
Đối tượng khách hàng mục tiêu:

- Ban lãnh đạo các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực: nhà hàng, khách sạn, cà phê, nha khoa, sản xuất hàng tiêu dùng,...
- Giám đốc tài chính, kế toán trưởng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực: nhà hàng, khách sạn, cà phê, nha khoa, sản xuất hàng tiêu dùng,...



Giờ ôn bài và kiểm tra bài cũ các học viên tại Kuala Lumpur - Malaysia

Địa bàn kinh doanh



Trong năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh nên công ty chỉ tập trung kinh doanh tại thị trường trong nước và phát triển sản phẩm online thay vì tổ chức lớp học trực tiếp. Doanh thu đến từ sản phẩm đào tạo bởi hình thức online trong năm 2021 đạt 1,201,000,000 VNĐ tăng thêm 958,000,000 VNĐ so với năm 2020 tương đương tăng thêm 378,7%



VỊ THẾ

Phân tích SWOT



ĐIỂM MẠNH

- Công ty hợp tác cùng các chuyên gia có giáo trình đã được đăng ký bản quyền tác giả, các giáo trình, phương pháp hiệu quả, có tính ứng dụng nên tỷ lệ hài lòng của khách hàng cao.
- Công ty có các khóa học hiệu quả, chất lượng trong thời gian ngắn, phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp vừa và nhỏ và có chương trình giảng dạy được chuyển dịch sang tiếng Anh và đào tạo tại Singapore, Malaysia, Philippine.
- Khách hàng của Công ty thường là chủ doanh nghiệp nhỏ nhưng có tài chính cá nhân, tài chính doanh nghiệp tương đối tốt. Phần lớn Công ty thu được tiền khách hàng thanh toán trước khi sử dụng, Công ty không có nợ xấu.
- Các khóa học đào tạo của Công ty là số ít các chương trình có thể tạo ra môi trường tương tác thực về tài chính sau khi kết thúc. Thống kê nội bộ cộng đồng năm 2019 - 2020 cho thấy số vốn các thành viên đã hỗ trợ, đầu tư vào các doanh nghiệp của các thành viên lên đến 350.000.000.000 đồng.

ĐIỂM YẾU

- Công ty đang trong giai đoạn phát triển, cần có những chiến lược và định hướng phát triển cụ thể để cải thiện tình hình tài chính của Công ty.
- Các khóa học của công ty còn chưa đủ đa dạng để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.
- Vẫn chưa tận dụng hết lợi thế cạnh tranh để phát triển mạnh hơn về mảng dịch vụ tư vấn.

CƠ HỘI

- Công ty có một cộng đồng khách hàng gắn kết, tỷ lệ khách hàng cũ giới thiệu khách hàng mới cao, hiện tại 100% khách hàng mới do khách hàng cũ giới thiệu vì hài lòng về dịch vụ, hứa hẹn sẽ cung cấp nhiều cơ hội nguồn việc cho Công ty.
- Chính phủ đã triển khai hàng loạt giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp thời gian qua, tạo lập một môi trường kinh doanh thuận lợi, mang đến làn sóng khởi nghiệp và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Trong giai đoạn 2016 - 2019 tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp bình quân cả nước đạt 10,5%/năm, gấp hai lần giai đoạn 2011 - 2015 và tốc độ này dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng trong giai đoạn 2020 - 2025, tạo tiền đề cho nhu cầu quản trị doanh nghiệp, là cơ hội cho ngành dịch vụ hỗ trợ giáo dục nói chung và Công ty nói riêng.

THÁCH THỨC

- Lĩnh vực đào tạo và tư vấn phát triển kinh doanh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam có rất nhiều đối thủ cạnh tranh.
- Trong thời điểm thế giới đang có những căng thẳng về thương mại cùng nhiều diễn biến xã hội bất ổn, Dịch viêm phổi cấp do virus Corona chủng mới (Covid-19) đã bất ngờ xuất hiện gây thêm áp lực cho nền kinh tế trong nước và làm suy yếu những triển vọng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực dẫn đến lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ giáo dục nhiều khả năng bị trì trệ do khan hiếm nguồn việc.

Vị thế

Tuy mới hoạt động từ 2017 song bằng sức trẻ và sự tâm huyết, CFM đã kiến tạo nên một cộng đồng khách hàng trung thành, gắn kết và tin tưởng vào các hoạt động của Công ty. Công ty luôn duy trì được tỉ lệ hài lòng từ các khách hàng được đào tạo là 100% và đang dần tạo dựng được vị thế vững chắc là một doanh nghiệp có sự khác biệt trong ngành dịch vụ hỗ trợ giáo dục. CFM đã có cơ hội đào tạo và hợp tác với các lãnh đạo của các doanh nghiệp có vị thế tại Việt Nam.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển kinh doanh dòng dịch vụ đào tạo và tư vấn

- Với thế mạnh đi đầu trong việc cung cấp các khóa học về phát triển xây dựng chuỗi dịch vụ (nhà hàng, spa, nha khoa v...v..), chăm sóc nhà đầu tư riêng lẻ cho các chuỗi này, năm 2022 công ty sẽ chính thức đẩy mạnh truyền thông và marketing thông qua việc tổ chức / liên kết tổ chức các khóa học thử miễn phí để giới thiệu dịch vụ đào tạo đến cộng đồng khách hàng.
- Công ty đã và đang đàm phán với một số khách hàng lớn về việc Công ty cung cấp dịch vụ tư vấn, dự kiến sẽ ký kết hợp đồng vào quý III năm 2022.
- Trong năm 2022 công ty sẽ đưa ra thêm dòng sản phẩm đào tạo online qua video được thu sẵn.
- Để tối ưu nguồn vốn đang sở hữu, công ty sẽ đầu tư một phần vào các công ty đã niêm yết trên sàn chứng khoán

Chiến lược phát triển ra thị trường quốc tế

- Năm 2019, công ty đã thử nghiệm tổ chức chương trình đào tạo tại Kuala Lumpur - Malaysia (miễn phí) cho các học viên người Malaysia. Chương trình này được giảng dạy 100% bằng tiếng Anh, do chuyên gia người Việt Nam chia sẻ, và đã nhận được phản hồi tích cực. Mục tiêu 2022 Công ty tìm kiếm thêm một số đối tác tại Malaysia, Singapore để tiếp tục cung cấp dịch vụ đào tạo tại 2 quốc gia này.
- Trên thực tế do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên việc xúc tiến hoạt động với đối tác tại nước ngoài của Công ty buộc phải hủy bỏ trong năm vừa rồi.
- Công ty đã tiến hành nghiên cứu và có những bước đầu thử nghiệm sản phẩm trực tuyến tại thị trường Việt Nam để thích ứng với tình hình thực tế, do việc tổ chức sự kiện khó có thể thực hiện. Sau khi hoàn thiện sản phẩm trực tuyến Công ty sẽ tìm kiếm thêm một số đối tác tại Malaysia, Singapore để tiếp tục cung cấp dịch vụ đào tạo sản phẩm trực tuyến tại 2 quốc gia này.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Mô hình tổ chức

Ban lãnh đạo

Báo cáo quản trị 2020

Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS và BGD

Tăng cường quản trị công ty

Rủ ro & Quản trị rủi ro

02



MÔ HÌNH TỔ CHỨC

Cơ cấu tổ chức

Hiện nay Công ty Cổ phần Đầu tư CFM được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020. Cơ sở hoạt động quản trị và điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư CFM là Điều lệ Công ty. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM bao gồm:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty, có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm.

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể: Chịu trách nhiệm triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; trình bày với Đại hội đồng cổ đông tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, dự kiến phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức; xem xét các phương án kinh doanh; quyết định cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý công ty,...

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn theo thể thức bỏ phiếu tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên có nhiệm vụ kiểm soát các hoạt động của Hội đồng quản trị, điều

hành, kinh doanh và tài chính của công ty. Tiến hành giám sát theo Điều lệ của công ty với Hội đồng quản trị, giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Ban kiểm soát có quyền tìm hiểu số liệu, tài liệu và các thuyết minh có liên quan đến hoạt động kinh doanh; báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về những sự kiện bất thường xảy ra trong công ty, yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết,...

Giám đốc

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc có nhiệm vụ: Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Điều lệ công ty và tuân thủ pháp luật...

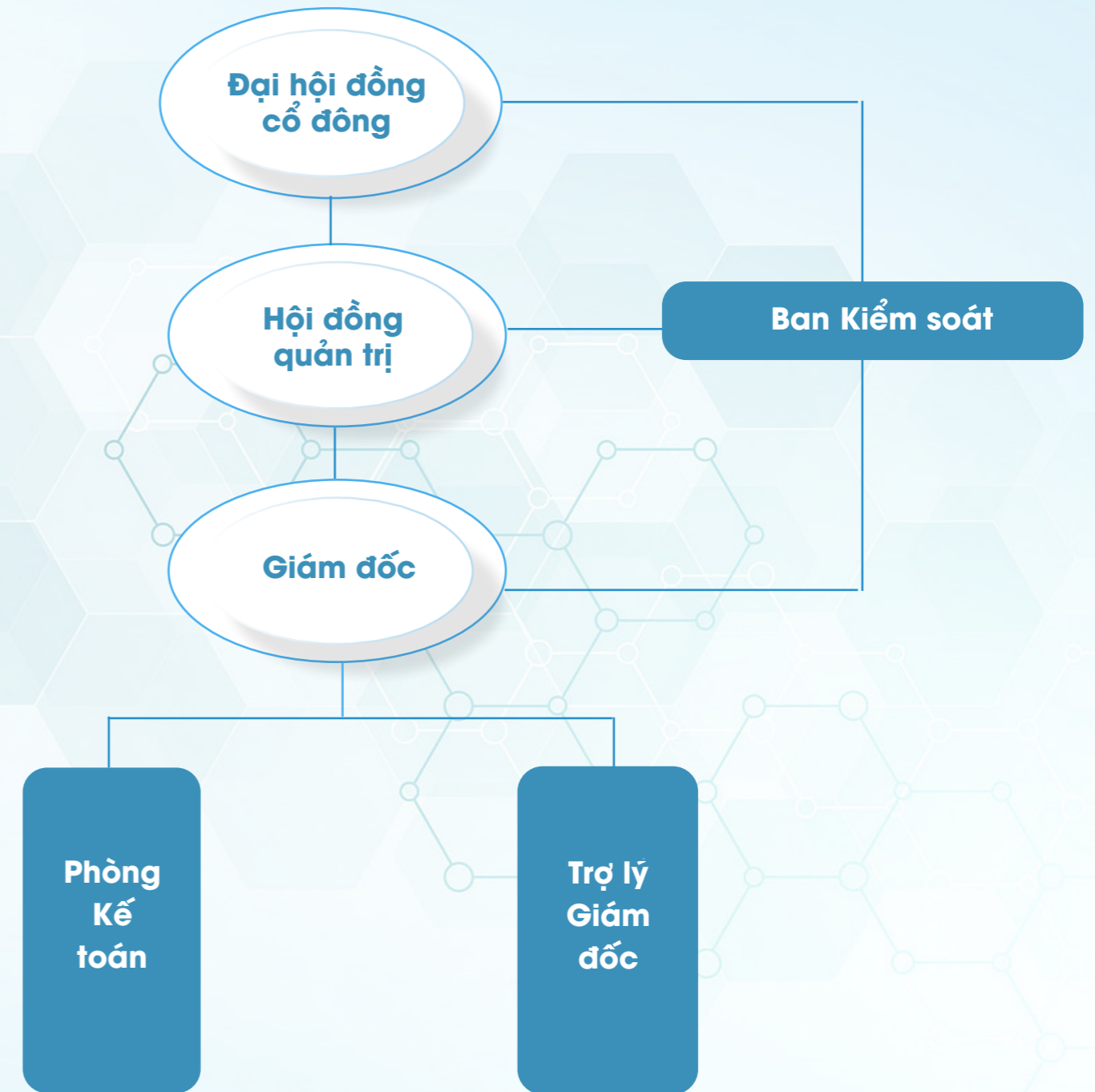
Phòng Kế toán

Chức năng chủ yếu là quản lý tài sản; hạch toán kết quả kinh doanh; cân đối các khoản, thu chi; kiểm tra giám sát việc thực hiện chế độ kế toán của Nhà nước và quy chế quản lý tài chính của công ty; tổ chức kiểm kê tài sản theo quy định; báo cáo tài chính hàng năm theo quy định.

Trợ lý Giám đốc

Trợ lý giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Sơ đồ tổ chức



BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Trung Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh : 04/02/1987
Trình độ chuyên môn :
 • Cử nhân quản trị kinh doanh trường Đại học Edit Cowan
 • Thạc sĩ quản trị kinh doanh (MBA) trường Đại học Latrobe
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
2015 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc tại Công ty Cổ phần Kết nối doanh nhân và Tầm nhìn thế giới
2017 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Đầu tư CFM và Công ty Cổ phần CFM Lounge Việt Nam

Bà Trần Thùy Linh Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Ngày sinh : 13/06/1987
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
2010 - 2011	Đại diện văn phòng miền Bắc tại Việt Nam tại Công ty Playpoint Singapore
2011 - 2015	Làm việc tự do
2015 - 2016	Giám đốc sự kiện và truyền thông tại Công ty Cổ phần Kết nối doanh nhân và Tầm nhìn thế giới
2016 - 2018	CRS Chief tại Công ty TNHH Panasonic Việt Nam
2017 - nay	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư CFM
2018 - nay	Tổng giám đốc tại Công ty cổ phần truyền thông M.O.V.E Việt Nam

Ông Vũ Ngọc Thuận Thành viên HĐQT

Ngày sinh : 11/07/1987
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư tốt nghiệp trường Đại học Xây dựng
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
2015 - nay	Làm tự do trong mảng FnB
2017 - nay	Giám đốc Công ty Cổ phần Tầm nhìn quốc tế Aladdin và Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư CFM

Ban Kiểm soát

Bà Đỗ Thị Minh Hiếu Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày sinh : 23/06/1981
Trình độ chuyên môn : Kế toán trưởng
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
2004 - 2008	Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH Phát triển nông nghiệp Sao Mai (SID)
2008 - 2010	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thép Nam Tiến
2010 - nay	Kế toán trưởng Công ty TNHH Thiết bị phụ tùng và Dịch vụ kỹ thuật Mast
2019 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Đầu tư CFM

Ông Nguyễn Trọng Giang Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh : 02/02/1979
Trình độ chuyên môn : Cử nhân
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
2004 - 2009	Giáo viên tại trường THCS Thượng Hòa - Nho Quan - Ninh Bình
2009 - 2014	Giám đốc tại Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Công nghệ Hải Cường
2014 - 2017	Làm việc tự do
2017 - nay	Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Đào tạo Kim cương
2019 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Đầu tư CFM

Bà Nguyễn Thị Thu Cúc Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh : 12/09/1980
Trình độ chuyên môn : Cử nhân
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
2001 - 2018	Cán sự tại Bảo hiểm xã hội huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình
2018 - nay	Làm việc tự do
2019 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Đầu tư CFM

BÁO CÁO QUẢN TRỊ 2021

Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Quốc Trung	CT HĐQT	1.082.000	54,10%
2	Bà Trần Thùy Linh	Phó CT HĐQT	10.000	0,50%
3	Ông Vũ Ngọc Thuận	TV HĐQT	10.000	0,50%

Tỷ lệ dự họp

STT	Họ và tên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Quốc Trung	4/4	100%
2	Bà Trần Thùy Linh	4/4	100%
3	Ông Vũ Ngọc Thuận	4/4	100%

Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị với Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị thường xuyên họp định kỳ để đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã được thông qua tại các kỳ họp trước, đồng thời định hướng hoạt động cho thời gian tới. Hội đồng Quản trị thường xuyên yêu cầu Ban Giám đốc thực hiện báo cáo kết quả thực hiện hoạt động kinh doanh của công ty, đồng thời đưa ra giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh doanh phương hướng khắc phục những khó khăn của Công ty.



Các Nghị quyết / Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2021

STT	Số NQ – QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	10/NQ-HĐQT/CFM	09/03/2021	Triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
2	11/NQ-HĐQT/CFM	29/04/2021	Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo các nội dung sửa đổi đã được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11/NQ-ĐHĐCĐ/CFM ngày 25/04/2021	100%
3	12/NQ-HĐQT/CFM	28/06/2021	Bán 200.000 cổ phiếu Công ty cổ phần Central Kitchen & Franchise; Bán 5.000 cổ phiếu Công ty cổ phần CFM Lounge Việt Nam	100%
4	13/NQ-HĐQT/CFM	31/12/2021	Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2022	100%

Ban Kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Bà Đỗ Thị Minh Hiếu	Trưởng BKS	-	0,00%
2	Ông Nguyễn Trọng Giang	TV BKS	10.000	0,50%
3	Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	TV BKS	-	0,00%

Tỷ lệ dự họp

STT	Họ và tên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Đỗ Thị Minh Hiếu	1/1	100%
2	Ông Nguyễn Trọng Giang	1/1	100%
3	Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	1/1	100%

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

- Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc về việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông công ty, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định các báo cáo tài chính của công ty, việc tuân thủ đúng chế độ kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Các thành viên Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị công ty và được phát biểu ý kiến. Ngoài ra khi có yêu cầu, Ban Kiểm soát đều được các phòng ban công ty cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu.

Đào tạo về quản trị Công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty. Các quy định đối với hoạt động quản trị tại công ty đại chúng được các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc thường xuyên cập nhật để đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

**GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS VÀ BGD****Thù lao của HĐQT, BKS và BGD**

Mức thù lao của HĐQT, BKS trong năm 2021 là **39.000.000 đồng**.

Giám đốc nhận lương hàng tháng theo hợp đồng lao động. Lương giám đốc **15.220.000 VNĐ/1 tháng**.

Tổng lương chi trả cho Giám đốc sau khi trừ trừ bảo hiểm và nghỉ chế độ, thực nhận là **99.034.750 VNĐ**

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan đến người nội bộ *

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/Mối quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do thay đổi
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Quốc Trung	Chủ tịch HĐQT	1.022.000	51,1%	1.082.000	54,1%	Mua bán CP

Giao dịch, hợp đồng của Công ty với người có liên quan:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Ông Nguyễn Quốc Trung	Cổ đông nắm giữ 54,1% cổ phần Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Số 6 ngách 29/8 Tổ 31 Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Nghị quyết HĐQT số 06/NQ-HĐQT-CFM ngày 09/09/2019 Nghị quyết HĐQT số 08A/NQ-HĐQT/CFM ngày 29/06/2020	Thanh toán phí bản quyền, thù lao giảng viên quý IV năm 2020: 237.000.000 đồng
					Thanh toán phí bản quyền, thù lao giảng viên quý I năm 2021: 275.400.000 đồng
					Thanh toán phí bản quyền, thù lao giảng viên quý II năm 2021: 287.000.000 đồng
					Thanh toán phí bản quyền, thù lao giảng viên quý III năm 2021: 114.300.000 đồng
					Thanh toán phí bản quyền, thù lao giảng viên quý IV năm 2021: 502.500.000 đồng
2	Bà Trần Thùy Linh	Phó chủ tịch HĐQT - Đại diện pháp luật	Số 6 Tổ 15 Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Nghị quyết HĐQT số 02/2019/NQ-HĐQT/CFM ngày 17/02/2019	Lương, thưởng, phụ cấp là: 186.791.000 đồng

3	Ông Vũ Ngọc Thuần	Thành viên HĐQT	P311-19T3-CC thu nhập thấp Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	Nghị quyết HĐQT số 11/NQ-HĐQT/CFM ngày 25/04/2021	Thù lao thành viên HĐQT là 15.000.000 đồng
4	Bà Đỗ Thị Minh Hiếu	Trưởng Ban kiểm soát	Phòng 1806A Chung cư cán bộ Công an, số 79 Thanh Đàm, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Nghị quyết HĐQT số 11/NQ-HĐQT/CFM ngày 25/04/2021	Thù lao trưởng Ban kiểm soát là 24.000.000 đồng
5	Công ty CP CFM Lounge Việt Nam	Ông Nguyễn Quốc Trung là Chủ tịch HĐQT	Sàn thương mại dịch vụ tầng 02 (A2-6-02), Dự án Ngôi sao An Bình 2 (An Bình City), Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	12/NQ-HĐQT/CFM ngày 28/06/2021	Bán 5.000 cổ phiếu Công ty CP CFM Lounge Việt Nam trị giá 60.000.000 đồng

			Nội, Việt Nam		
6	Công ty CP Truyền thông MOVE Việt Nam	- Ông Trung là cổ đông sở hữu tỷ lệ 82,08% CP - Ông Trung là Chủ tịch HĐQT	Sàn thương mại dịch vụ tầng 02 (A2-6-02), Dự án Ngôi sao An Bình 2 (An Bình City), Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Nghị quyết HĐQT số 08B/NQ-HĐQT/CFM ngày 25/09/2020	Cho thuê mặt bằng Hợp Đồng số 02/ 2020/ HDTMB/ CFM- MOVE VN ngày 30/09/2020. Tiền thuê Quý I/ 2021: 16.500.000đ
			Cho thuê mặt bằng Hợp Đồng số 02/ 2020/ HDTMB/ CFM- MOVE VN ngày 30/09/2020. Tiền thuê Quý II/ 2021: 16.500.000		
			Cho thuê mặt bằng Hợp Đồng số 02/ 2020/ HDTMB/ CFM- MOVE VN ngày 30/09/2020. Tiền thuê Quý III/ 2021: 16.500.000		
			Cho thuê mặt bằng Hợp Đồng số 02/ 2020/ HDTMB/ CFM- MOVE VN ngày 30/09/2020. Tiền thuê Quý IV/ 2021: 16.500.000		
7	Công ty CP CFM Lounge Việt Nam	- Ông Nguyễn Quốc Trung là Chủ tịch HĐQT	Sàn thương mại dịch vụ tầng 02 (A2-6-02), Dự án Ngôi sao An Bình 2 (An Bình City), Khu đô thị Thành phố Giao Lưu,	Nghị quyết HĐQT số 08B/NQ-HĐQT/CFM ngày 25/09/2020	Cho thuê mặt bằng Hợp Đồng số 01/ 2020/ HDTMB/ CFM- LOUNGE ngày 30/09/2020. Tiền thuê Quý I/ 2021: 49.500.000
			Cho thuê mặt bằng Hợp Đồng số 01/ 2020/ HDTMB/ CFM- LOUNGE ngày 30/09/2020. Tiền thuê Quý II/ 2021: 49.500.000		

		Đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cho thuê mặt bằng Hợp Đồng số 01/ 2020/ HDTMB/ CFM- LOUNGE ngày 30/09/2020. Tiền thuê Quý III/ 2021: 49.500.000
			Cho thuê mặt bằng Hợp Đồng số 01/ 2020/ HDTMB/ CFM- LOUNGE ngày 30/09/2020. Tiền thuê Quý IV/ 2021: 49.500.000



TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tuân thủ quy định về quản trị công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về Công bố thông tin.
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Xây dựng điều lệ, Quy chế quản trị bán sát theo Luật Doanh Nghiệp 2020 và Thông tư 116.

Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

Tăng cường hiệu quả quản trị công ty

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo hoạt động từ Giám đốc, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung được thông qua trong các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị công ty.
- Đổi mới công tác giám sát theo từng hoạt động kinh doanh thông qua các thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách.
- Trong năm tiếp theo, để nâng cao công tác quản trị, Công ty sẽ liên tục rà soát, hoàn chỉnh các quy chế và quy định mới phù hợp với các chuẩn mực nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày một cao của khách hàng.
- Tăng cường phối hợp trong quá trình hoạt động của Ban kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập, có biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro trong hoạt động tài chính. Hiện nay, Trưởng Ban kiểm soát Công ty chưa đáp ứng quy định hiện hành về quản trị công ty. Công ty cam kết sẽ điều chỉnh đúng quy định trong thời gian sớm nhất.
- Công ty chú trọng tới việc nâng cao năng lực nhân sự thông qua các khóa đào tạo; Có chính sách thu hút nhân sự trình độ cao về làm việc; Đảm bảo môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, phát huy tối đa năng lực của người lao động.
- Tiếp tục phát triển các ứng dụng công nghệ khoa học phục vụ cho hoạt động kinh doanh và quản lý doanh nghiệp.

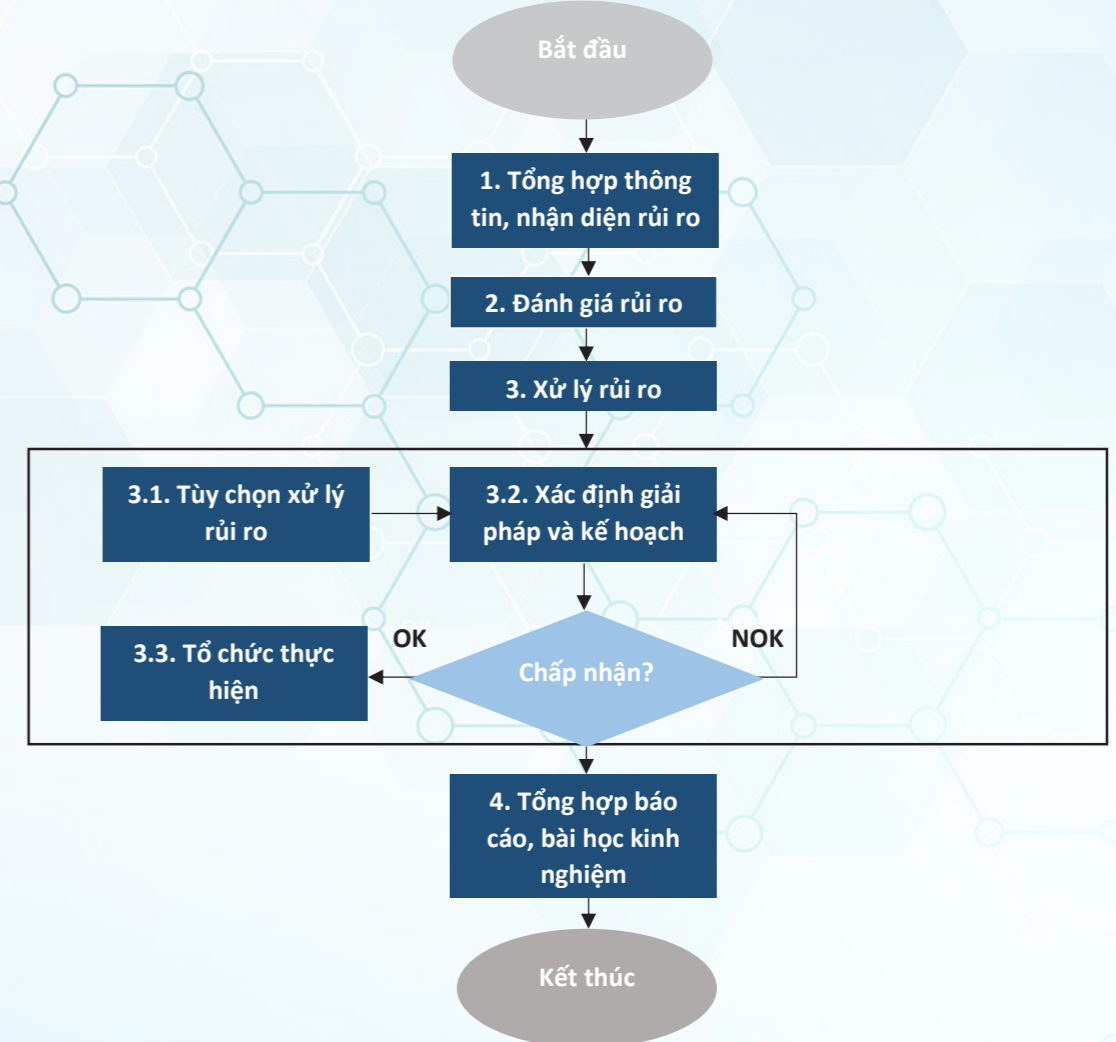


RỦI RO & QUẢN TRỊ RỦI RO

Nguyên tắc quản trị rủi ro

- Quản trị rủi ro là một phần thiết yếu của các quy trình và việc ban hành các quyết định liên quan đến các hoạt động của Công ty;
- Các nguồn thông tin phục vụ cho quy trình quản trị rủi ro cần phải là các nguồn thông tin đáng tin cậy, được tổng hợp từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm dữ liệu đã được lưu trữ, kinh nghiệm, thông tin phản hồi của các bên liên quan, sự quan sát, dự báo và phán đoán;
- Hệ thống quản trị rủi ro bao gồm các bộ phận và nhân sự phục vụ công tác quản trị rủi ro, được tích hợp trong cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Công ty, vận hành song song, phù hợp với quy mô và phạm vi hoạt động của Công ty;
- Các chính sách và quy trình quản trị rủi ro được thực hiện liên tục, thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với phạm vi, quy mô hoạt động, điều kiện của công ty và bối cảnh thị trường;

Quy trình quản trị rủi ro

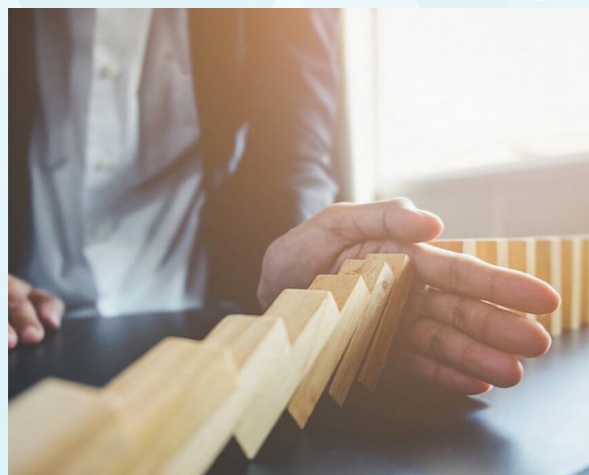


Các rủi ro chủ yếu và cách quản trị



RỦI RO KINH TẾ

- **Rủi ro về kinh tế** là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, ... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và lĩnh vực hoạt động của Công ty nói riêng. Vì vậy, việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ làm rõ mức độ tác động của loại rủi ro này cũng như đưa ra được các biện pháp hạn chế, khắc phục mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.



- **Tốc độ tăng trưởng:** Theo Tổng cục Thống kê, năm 2020, Tổng Theo Tổng cục Thống kê, năm 2021, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 2,58% so với năm 2020. Đây cũng là mức tăng trưởng thấp nhất trong nhiều thập kỷ qua do mà chủ yếu do tác động tiêu cực từ năm thứ hai phải chống lại với Covid-19 mà đặc biệt là làn sóng biến thể mới làm đình trệ nền kinh tế trong quý III. Về cơ cấu, khu vực công nghiệp và xây dựng là động lực chính của tăng trưởng kinh tế khi tăng 6,37% và đóng góp vào 1,61 điểm phần trăm, cao nhất trong các khu vực. Ngược lại, ngành lưu trú và ăn uống giảm đến 20,81%, đóng góp mức giảm đến 0,51 điểm phần

trăm, giảm nhiều nhất trong số các khu vực. Trước những diễn biến đó, ngành dịch vụ hỗ trợ giáo dục cũng chịu ảnh hưởng nặng nề do giãn cách xã hội. Tình hình kinh tế được cải thiện trong giai đoạn quý IV/2021 và đầu năm 2022 do độ phủ tiêm chủng vắc xin cũng là điểm sáng để khởi động lại các chương trình đào tạo trực tiếp. Bất chấp tình hình kinh tế vĩ mô có nhiều bất ổn do Covid-19 vẫn chưa kết thúc trong khi các gói hỗ trợ kinh tế sắp kết thúc cộng với lạm phát leo thang và xung đột quân sự Nga – Ukraine, dự báo kinh tế Việt Nam trong năm 2022 vẫn sẽ đạt trên 5%, phục hồi đáng kể so với 2021. Đây cũng chính là yếu tố vĩ mô quan trọng để Công ty triển khai các kế hoạch quan trọng trong năm 2022.

- **Cách quản trị:** Chủ động theo dõi sát sao sự biến động của nền kinh tế trong nước và quốc tế để đưa ra những biện pháp quản trị rủi ro kịp thời. Kiểm soát tốt chi phí, tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo cấu trúc vốn an toàn.



RỦI RO HOẠT ĐỘNG

- Là các rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định, quy trình của công ty trong các hoạt động của Công ty do việc không cập nhật hoặc cố tình không tuân thủ của cán bộ nhân viên hay đơn giản là lỗi con người do nhầm lẫn vô tình.
- **Cách quản trị:** Công ty đã và đang xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, đề cao đạo đức nghề nghiệp và tôn trọng các giá trị của Công ty. Đồng thời, Công ty xây dựng các quy định, quy trình nội bộ của mọi đơn vị trực thuộc đầy đủ, rõ ràng và phổ biến đầy đủ cho cán bộ nhân viên nhằm hạn chế tối đa rủi ro phát sinh, đảm bảo Công ty hoạt động an toàn, hiệu quả.



RỦI RO PHÁP LUẬT

- Là các rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định, quy trình của công ty trong các hoạt động của Công ty do việc không cập nhật hoặc cố tình không tuân thủ của cán bộ nhân viên hay đơn giản là sai sót chủ quan và khách quan.
- Là một công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ hỗ trợ giáo dục, CFM chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp 58/2020/QH14, Luật chứng khoán 54/2019/QH14, Luật đầu tư 61/2020/QH14, Luật Giáo dục 43/2019/QH14 và các bộ luật, các văn bản, nghị định, thông tư hướng dẫn luật khác. Bên cạnh đó, trong thời đại hội nhập sâu rộng, Công ty cũng tuân theo quy định tại các Hiệp định thương mại tự do, các Điều ước quốc tế. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật của Việt Nam chưa hoàn chỉnh và đang trong quá trình hoàn thiện, sửa đổi và bổ sung. Những sự thay đổi về chính sách cũng như quy chế nếu xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty
- **Cách quản trị:** Công ty hạn chế chế những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động bằng cách tuân thủ theo các quy định, chính sách của Nhà nước, liên tục theo dõi và cập nhật những thay đổi về Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan đối với từng phòng ban cũng như toàn công ty đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.



CÁC RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, v.v... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty ...



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

- Là các rủi ro mà tác động tiêu cực từ môi trường tự nhiên có thể tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động trong ngành nghề kinh doanh là dịch vụ hỗ trợ giáo dục nên những tác động của môi trường không ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, những diễn biến khó lường của môi trường, khí hậu có thể ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế vĩ mô cũng như nhiều doanh nghiệp. Điều này có thể ảnh hưởng gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty
- **Cách quản trị:** Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ thường xuyên cập nhật tình hình môi trường tác động đến kinh tế vĩ mô và đến ngành hoạt động của Công ty để có thể đưa ra những ứng phó kịp thời khi có rủi ro

RỦI RO ĐẶC THÙ

- Là những rủi ro liên quan đến việc hoạt động trong ngành dịch vụ hỗ trợ đào tạo và rủi ro từ cạnh tranh đối với các doanh nghiệp trong cùng ngành. Ngành dịch vụ hỗ trợ giáo dục còn là ngành có nhiều tiềm năng phát triển nên số lượng các doanh nghiệp tham gia là rất lớn và có xu hướng tăng. Tuy nhiên do đặc thù từng phân khúc, nội dung, hình thức đào tạo mà thị trường có nhiều ngành ngách giúp phần nào giảm bớt áp lực cạnh tranh do tính đặc thù trong nội dung các chương trình đào tạo. Trong quá trình đào tạo, Công ty có thể gặp phải rủi ro đến từ việc khách hàng không hài lòng với quy trình, nội dung đào tạo hoặc do chương trình đào tạo không cập nhật với các thay đổi.
- **Cách quản trị:** Công ty liên tục tương tác và nhận phản hồi từ khách hàng để đảm bảo chương trình đào tạo là phù hợp nhất với nhu cầu khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty cũng cần thường xuyên cập nhật, đổi mới các nội dung phù hợp với thay đổi của thực tế thị trường và pháp luật.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tổng quan nền kinh tế Việt Nam và tình hình
chung ngành năm 2021

Tình hình hoạt động kinh doanh, đầu tư năm
2021

Tổ chức và nhân sự

Tình hình tài chính

Thông tin về cổ phiếu, cổ đông và thay đổi
vốn đầu tư chủ sở hữu

03



TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM VÀ TÌNH HÌNH CHUNG NGÀNH NĂM 2021

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn đối với kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Nhiều khu vực trên thế giới đã bắt đầu phục hồi nhờ có các chiến dịch tiêm chủng tuy nhiên tốc độ phục hồi là không đồng đều và biến chứng mới làm chậm lại quá trình phục hồi này. Đà suy thoái của kinh tế vẫn chưa thể dừng lại. Kinh tế Việt Nam 2021 cũng đã về đích với kết quả thấp hơn nhiều so với các dự báo trước đó ở mức tăng GDP đạt 2,58% so với cùng kỳ. Đây cũng là con số tăng trưởng thấp nhất của Việt Nam trong thập kỷ và cũng thấp hơn so với các nước Đông Nam Á và khu vực. Tiến tới 2022, Việt Nam được kỳ vọng sẽ bứt phá do thuộc nhóm nước có tỷ lệ tiêm chủng vắc xin cao nhất thế giới và đã sẵn sàng cho quá trình mở cửa bình thường. Bên cạnh đó, các gói hỗ trợ, chính sách đầu tư hứa hẹn sẽ giúp Việt Nam thu hút vốn đầu tư.

Đối với ngành dịch vụ hỗ trợ giáo dục trong năm 2021, những diễn biến của Covid-19 vẫn khiến cho hoạt động trong ngành diễn ra hết sức khó khăn do việc triển khai đào tạo trực tuyến đòi hỏi nhiều yếu tố. Tuy nhiên, do tính chất ngành ít bị tác động bởi ảnh hưởng kinh tế, dịch bệnh nên về cơ bản nhu cầu đào tạo vẫn là rất lớn và khi mà khó khăn về mặt áp dụng công nghệ trong đào tạo từ xa được áp dụng thì cơ hội để bứt phá là rất lớn. Trong năm 2022 nói riêng và xa hơn là tương lai, đây vẫn sẽ là ngành được hưởng lợi và có tiềm năng mở rộng do nhu cầu các chương trình đào tạo của Công ty sẽ tăng theo nhu cầu nâng cao năng lực quản trị của thị trường các doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế Việt Nam phát triển

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, ĐẦU TƯ NĂM 2021

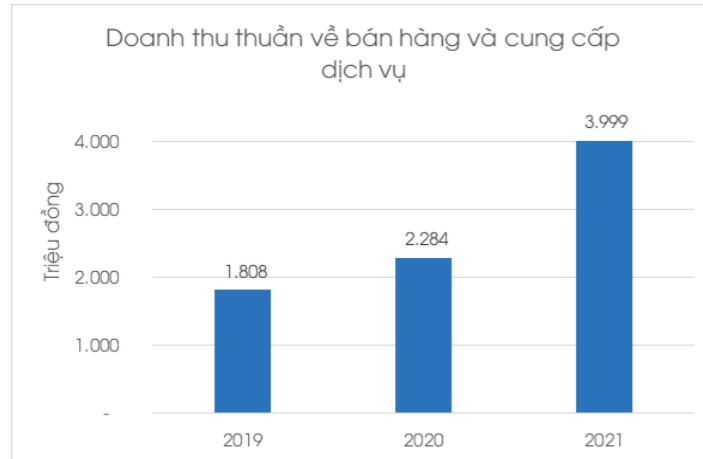
Kết quả kinh doanh so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021		TH/KH
		Kế hoạch	Thực hiện	
Doanh thu thuần	Đồng	7.414.000.000	3.999.000.000	53,94%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	903.500.000	137.098.023	15,17%
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%	0	0	100%
Lao động bình quân	Người	7	7	100%

Năm 2021, Công ty chỉ đạt 53,94% kế hoạch về doanh thu và 15,17% kế hoạch về lợi nhuận trước thuế phần lớn do ảnh hưởng của dịch bệnh đặc biệt là trong quý III khiến tình hình hoạt động bị ảnh hưởng. Công ty cũng không thể xúc tiến các dự án bên ngoài Việt Nam do các hạn chế về xuất nhập cảnh. Bên cạnh đó, Công ty vẫn duy trì số lượng lao động ngay trong giai đoạn khó khăn nhất. Trong năm 2021 Công ty cũng không tiến hành trả cổ tức do lợi nhuận chưa được đảm bảo và CFM vẫn đang trong quá trình mở rộng thị trường nên ưu tiên sử dụng nguồn lợi nhuận giữ lại nếu có vào việc mở rộng, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả kinh doanh qua các năm

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2021 / 2020
1. Tổng doanh thu	3.112.198.345	2.682.486.663	4.216.589.369	157,19%
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.807.609.089	2.284.080.000	3.999.000.000	175,08%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.304.589.255	395.406.529	217.057.668	54,89%
Thu nhập khác	1	300.134	531.701	177,15%
2. Tổng chi phí	3.584.251.318	3.003.940.202	4.079.491.346	135,80%
Giá vốn hàng bán	1.190.683.470	1.111.686.375	1.877.593.432	168,90%
Chi phí tài chính	503.938.709	91.846.018	68.730.442	74,83%
Chi phí bán hàng	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.875.395.162	1.795.407.809	2.125.267.472	118,37%
Chi phí khác	14.235.977	5.000.000	7.900.000	158,00%
3. Lợi nhuận trước thuế	- 472.052.973	- 321.453.539	137.098.023	-42,65%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	- 457.052.973	- 319.453.673	144.466.322	
Lợi nhuận khác	- 14.235.976	- 1.999.866	- 7.368.299	
4. Lợi nhuận sau thuế	- 472.052.973	- 321.453.539	137.098.023	-42,65%

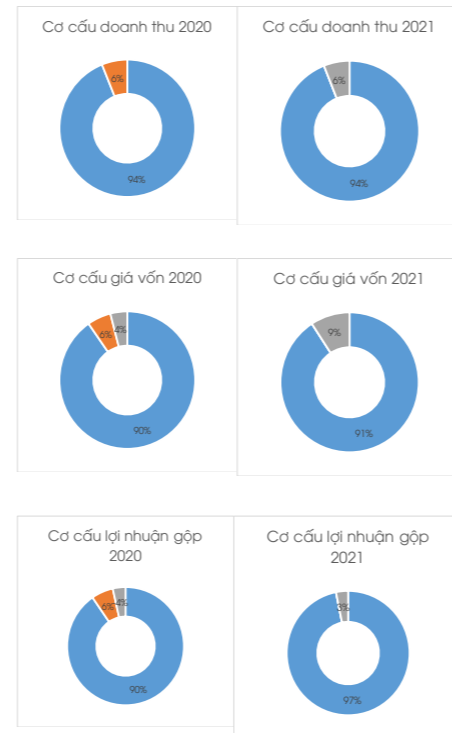


Về tổng quan, kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty đã có những chuyển biến tích cực sau giai đoạn khó khăn với dịch bệnh Covid-19. Mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề do cách ly xã hội trong gần như toàn bộ quý III nhưng Công ty vẫn đạt 3.999.000.000 đồng doanh thu thuần, tăng 75,08% so với năm 2020. Bên cạnh đó, công ty giữ cho các khoản chi phí hoạt động ở mức ổn định giúp cho biên lợi nhuận của công ty được cải thiện. Cụ thể, giá vốn hàng bán của Công ty đạt 1.877.593.432 đồng, tăng 68,90% so với 2020, chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 2.125.267.472, chỉ tăng 18,37%. Các khoản doanh thu và chi phí khác chiếm tỉ trọng nhỏ so với doanh thu thuần và không có biến động bất thường. Do vậy, Công ty đã có lợi nhuận dương trở lại dù vẫn lỗ lũy kế từ năm 2019 và 2020.

Kết quả kinh doanh khả quan hơn trong năm 2021 đến từ việc Công ty tận dụng những khoảng thời gian ổn định về mặt dịch bệnh trong năm để gia tăng doanh số cũng như áp dụng hình thức đào tạo trực tuyến giúp duy trì các chương trình đào tạo. Đồng thời, toàn thể đội ngũ Ban lãnh đạo, cán bộ quản trị việc tối ưu hóa chi phí giúp Công ty giữ được biên lợi nhuận.

Kết quả kinh doanh qua theo từng lĩnh vực

Chỉ tiêu	2020	Tỉ trọng	2021	Tỉ trọng	Tăng trưởng
Doanh thu	2.284.080.000		3.999.000.000		75,08%
Dịch vụ đào tạo và tư vấn	2.145.000.000	93,91%	3.759.000.000	94,00%	75,24%
Nhượng quyền tác giả	139.080.000	6,09%	-	0,00%	
Doanh thu cho thuê bất động sản	-	0,00%	240.000.000	6,00%	-
Giá vốn hàng bán	1.111.686.375		1.877.593.432		68,90%
Dịch vụ đào tạo và tư vấn	1.004.206.371	90,33%	1.704.992.183	90,81%	69,79%
Nhượng quyền tác giả	62.813.335	5,65%	-	0,00%	
Doanh thu cho thuê bất động sản	44.666.669	4,02%	172.601.249	9,19%	286,42%
Lợi nhuận gộp	1.172.393.625		2.121.406.568		80,95%
Dịch vụ đào tạo và tư vấn	1.140.793.629	97,30%	2.054.007.817	96,82%	80,05%
Nhượng quyền tác giả	76.266.665	6,51%	-	0,00%	
Doanh thu cho thuê bất động sản	- 44.666.669	-3,81%	67.398.751	3,18%	



■ Dịch vụ đào tạo và tư vấn ■ Nhượng quyền tác giả ■ Doanh thu cho thuê bất động sản

Dịch vụ đào tạo và tư vấn

Chỉ tiêu	2020	2021	Tăng trưởng
Doanh thu	2.145.000.000	3.759.000.000	75,24%
Giá vốn hàng bán	1.004.206.371	1.704.992.183	69,79%
Lợi nhuận gộp	1.140.793.629	2.054.007.817	80,05%

Doanh thu dịch vụ đào tạo và tư vấn vẫn là mảng doanh thu chủ lực của Công ty và vẫn giữ được mức tăng trưởng tốt trong năm 2021 với mức tăng trưởng doanh thu là 75,24% đạt 3.759.000.000 đồng, giá vốn hàng bán đạt 1.704.992.183 đồng tăng 69,79%, lợi nhuận gộp đạt 2.054.007.817 tăng 80,05%.

Dịch vụ cấp phép Li xăng

Chỉ tiêu	2020	2021	Tăng trưởng
Doanh thu	139.080.000	-	-
Giá vốn hàng bán	62.813.335	-	-
Lợi nhuận gộp	76.266.665	-	-

Trong năm 2021 Công ty không triển khai hoạt động nhượng quyền tác giả do việc thời gian lựa chọn và đào tạo đối tác Li Xăng kéo dài, việc giám sát và đảm bảo chất lượng theo yêu cầu đặt ra gặp khó khăn trong bối cảnh dịch bệnh nên Công ty quyết định tạm dừng hoạt động này. Để hỗ trợ khách hàng dưới các ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19, Công ty đã có chính sách hỗ trợ giảm 50% khoản phí cấp phép trên từng học viên cho Đối tác, đây cũng là một phần nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm trong doanh thu và lợi nhuận.

Dịch vụ cho thuê bất động sản

Chỉ tiêu	2020	2021	Tăng trưởng
Doanh thu	-	240.000.000	-
Giá vốn hàng bán	44.666.669	172.601.249	286,42%
Lợi nhuận gộp	-44.666.669	67.398.751	-

Công ty đã phát sinh chi phí giá vốn từ năm 2020 nhưng đến năm 2021 mới phát sinh doanh thu. Mức giá vốn của công ty tăng đến 286,42% do doanh thu phát sinh tương ứng và có lợi nhuận.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh nên thời gian thi công, sửa chữa bất động sản phù hợp với hoạt động kinh doanh bị kéo dài, dẫn tới việc năm 2021 bất động sản mới ở trạng thái sẵn sàng cho hoạt động kinh doanh và phát sinh doanh thu

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ *

Cơ cấu nhân sự

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 7 người.

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ
Phân theo trình độ chuyên môn		
Trình độ Đại học, trên Đại học	6	85,71%
Trình độ Cao đẳng, trung cấp	0	0,00%
Trình độ khác (tốt nghiệp phổ thông)	1	14,29%
Chưa qua đào tạo	0	0,00%
Phân theo thời hạn lao động		
Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	0	0,00%
Lao động hợp đồng dài hạn (không xác định thời hạn)	2	28,57%
Lao động có xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng	5	71,43%
Phân theo giới tính		
Nam	0	0,00%
Nữ	7	100,00%
Tổng cộng	7	100,00%



Chính sách đối với người lao động *

Chính sách tuyển dụng

Công ty tiến hành tuyển dụng công khai nhân viên theo Quy chế của Công ty đề ra, ứng với từng vị trí tuyển dụng đều phải có yêu cầu cụ thể, rõ ràng và đều trải qua các bước sơ tuyển như xét duyệt hồ sơ, phỏng vấn, thử việc.

Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Người lao động đang làm việc tại Công ty thực hiện theo chế độ làm việc không quá 08 giờ trong 01 ngày và 40 tiếng trong 01 tuần, theo chức năng nhiệm vụ được phân công.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động.
- Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (06 tháng), người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 06 tháng tiền lương do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả.
- Điều kiện làm việc: Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát.

Chính sách lương

Công ty áp dụng thang bảng lương phù hợp với đặc thù kinh doanh của Công ty, người lao động được nhận tiền lương, tiền thưởng... Căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả công việc cụ thể của từng người theo Quy chế lương của Công ty.

Năm	Đơn vị	2018	2019	2020	2021
Thu nhập bình quân của người lao động	VND	6.100.000	7.080.000	8.440.000	8.440.000

Chế độ phúc lợi

Công ty luôn cam kết và đảm bảo quyền lợi nghĩa vụ của người lao động theo đúng chính sách chế độ quy định, Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động, Luật bảo hiểm xã hội, nội quy lao động và thỏa ước tập thể. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được công ty trích nộp theo đúng quy định.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Năm 2021, Công ty đã vượt qua những khó khăn và có lợi được lợi nhuận. Về cơ bản dù trải qua quãng thời gian 2 năm khó khăn do dịch bệnh và biến động kinh tế nhưng tình hình tài chính của Công ty vẫn ở mức lành mạnh. Tất cả các chỉ tiêu về tài sản và hoạt động đều tăng lên theo chiều hướng tích cực và đặc biệt là khoản mục lợi nhuận đã có lãi.

Chỉ tiêu	2019	2020	% tăng giảm 2020 so với 2019	2021	% tăng giảm 2021 so với 2020
Tổng giá trị tài sản	20.623.614.791	20.242.281.830	-1,85%	20.658.615.392	2,06%
Doanh thu thuần	1.807.609.089	2.284.080.000	26,36%	3.999.000.000	75,08%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-457.816.997	-319.453.673	-30,22%	144.466.322	
Lợi nhuận khác	-14.235.976	-1.999.866	-85,95%	-7.368.299	268,44%
Lợi nhuận trước thuế	-472.052.973	-321.453.539	-31,90%	137.098.023	
Lợi nhuận sau thuế	-472.052.973	-321.453.539	-31,90%	137.098.023	-



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

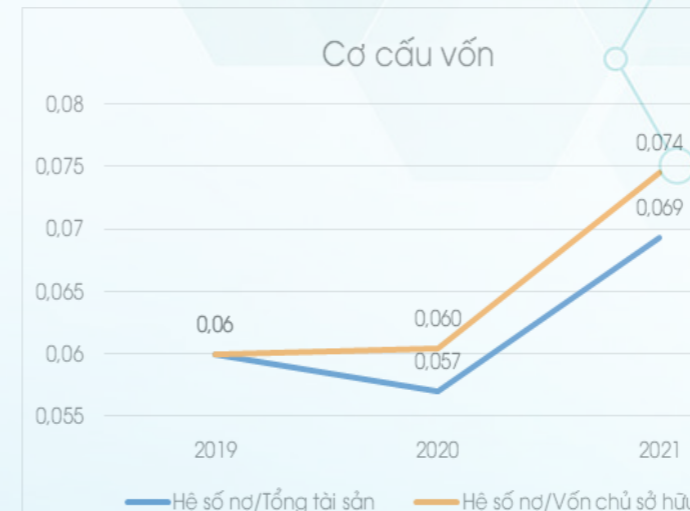
Khả năng thanh toán	Đơn vị	2019	2020	2021
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	24,58	11,14	7,74
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	24,58	11,10	7,72



Đối với năng lực thanh toán, tuy xu hướng chung của các hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh giảm nhưng Công ty vẫn duy trì hệ số ở mức rất tốt trên 1 với cơ cấu tài sản có tính thanh khoản cao như tiền mặt và các khoản phải thu. Hệ số này có xu hướng giảm do trong năm 2021 Công ty vẫn còn các khoản phải trả các bên liên quan chưa thanh toán và thuế GTGT chưa nộp hết làm tăng nợ ngắn hạn. Trong năm 2022 khi các hoạt động quay trở lại bình thường Công ty dự kiến sẽ giảm bớt nợ ngắn hạn và duy trì ổn định hệ số thanh toán này.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

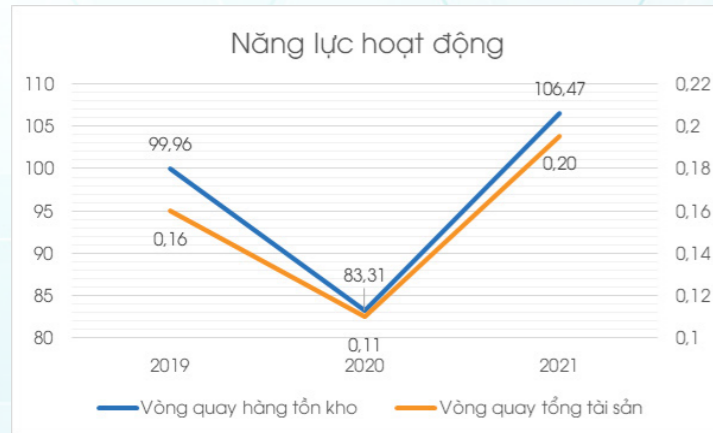
Cơ cấu vốn	Đơn vị	2019	2020	2021
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,06	0,057	0,069
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,06	0,060	0,074



Tương ứng với hệ số thanh toán ở trên, cơ cấu nợ trong năm 2021 cũng tăng chủ yếu do chính các nguyên nhân trên. Công ty tăng sử dụng vốn vay nhưng các nghĩa vụ nợ phải trả khác tăng lên. Tuy nợ phải trả tăng lên nhưng về cơ bản đây vẫn là mức cơ cấu sử dụng đòn bẩy rất thấp của CFM. Kết hợp với các yếu tố hệ số thanh toán, cơ cấu tài chính của Công ty vẫn đang ở mức rất lành mạnh và hoàn toàn đủ khả năng trả các nghĩa vụ nợ.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Năng lực hoạt động	Đơn vị	2019	2020	2021
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	99,96	83,31	106,47
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,16	0,11	0,20



Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho chỉ phản ánh một phần nhỏ hiệu quả kinh doanh của CFM do Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ. Cơ cấu của hàng tồn kho trong tài sản ngắn hạn cũng là rất thấp. Trong năm 2021 vòng quay hàng tồn kho tăng do cả yếu tố tăng doanh thu thuần và hàng tồn kho giảm đáng kể.

Chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản tăng trở lại sau khi giảm mạnh vào năm 2020 cũng là chỉ báo tương ứng với việc Công ty đã có tăng trưởng về doanh thu và qua đó tối ưu hóa khả năng sinh lợi từ tài sản. Trong năm 2021, cơ cấu tài sản cũng không có biến động mạnh khi các khoản mục tăng, giảm bù trừ cho nhau trong biên độ nhỏ. Cơ cấu tài sản được đảm bảo ổn định cũng giúp cho hệ số vòng quay tổng tài sản tăng gần 2 lần từ 0,11 lên 0,20. Công ty tiếp tục hướng tới gia tăng hệ số này trong tương lai.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Khả năng sinh lời	Đơn vị	2019	2020	2021
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-25,11	-14,07	3,43
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	-4,5	-1,67	0,72
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-2,53	-1,57	0,67
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-25,33	-13,99	3,61
EPS	Đồng/cổ phần	-376	-161	69



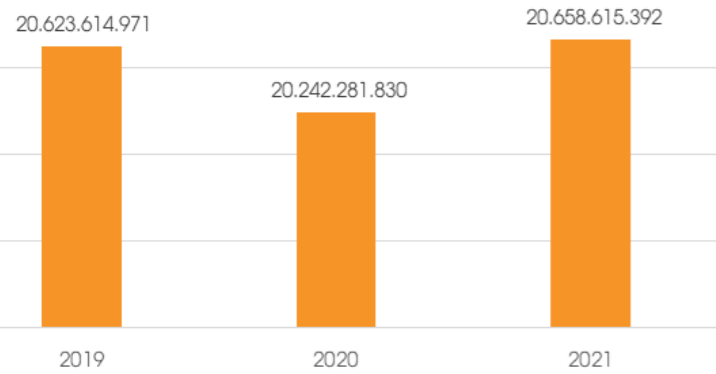
Trong năm 2021, tất cả các chỉ số về khả năng sinh lời đã được cải thiện rõ rệt khi công ty đã cải thiện được về doanh thu và lợi nhuận sau quãng thời gian 2 năm liên tục không có lãi. Yếu tố quan trọng dẫn đến mức tăng của các chỉ số này là việc doanh thu từ hoạt động chính khi doanh thu thuần tăng 175% so với cùng kỳ 2020. Bên cạnh đó các chi phí được quản lý hiệu quả và tổng chi phí hoạt động chỉ tăng thêm 35% trong khi tổng doanh thu tăng 57% giúp cho Công ty giữ được lợi nhuận. Cùng với đó, cơ cấu vốn chủ và tổng tài sản ổn định cũng góp phần giúp cho khả năng sinh lời tăng lên. Công ty kỳ vọng sẽ duy trì khả năng sinh lời này trong năm 2022 và các năm tiếp theo.

Cơ cấu tài sản

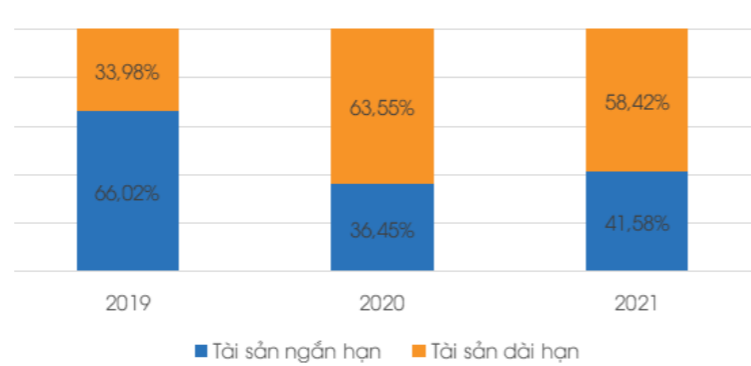
Tổng tài sản của Công ty năm 2021 đạt 20.658.615.392 đồng, tăng 2,06% so với năm 2020. Cơ cấu tài sản của Công ty không có sự biến động nào quá đáng kể ngoại trừ khoản tiền mặt tăng lên mạnh khiến cho quy mô tài sản ngắn hạn tăng lên nhưng về cơ bản Công ty vẫn giữ được kết cấu tài sản ổn định.

Chỉ tiêu	2020	Tỷ trọng	2021	Tỷ trọng	Thay đổi (%)
A - Tài sản ngắn hạn	7.377.892.616	36,45%	8.590.150.074	41,58%	16,43%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.119.403.512	25,29%	8.492.092.890	41,11%	65,88%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	9,88%	-	0,00%	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	222.800.000	1,10%	71.609.979	0,35%	-67,86%
IV. Hàng tồn kho	26.689.104	0,13%	8.580.000	0,04%	-67,85%
V. Tài sản ngắn hạn khác	9.000.000	0,04%	17.867.205	0,09%	98,52%
B - Tài sản dài hạn	12.864.389.214	63,55%	12.068.465.318	58,42%	-6,19%
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	0,00%	-	0,00%	-
II. Tài sản cố định	5.345.726.276	26,41%	7.394.125.716	35,79%	38,32%
III. Bất động sản đầu tư	3.955.333.331	19,54%	3.875.333.327	18,76%	-2,02%
IV. Tài sản dở dang dài hạn	2.500.000.000	12,35%	-	0,00%	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	452.500.000	2,24%	402.500.000	1,95%	-11,05%
VI. Tài sản dài hạn khác	610.829.607	3,02%	396.506.275	1,92%	-35,09%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	20.242.281.830	100,00%	20.658.615.392	100,00%	2,06%

Tổng tài sản



Cơ cấu tài sản



Tài sản ngắn hạn

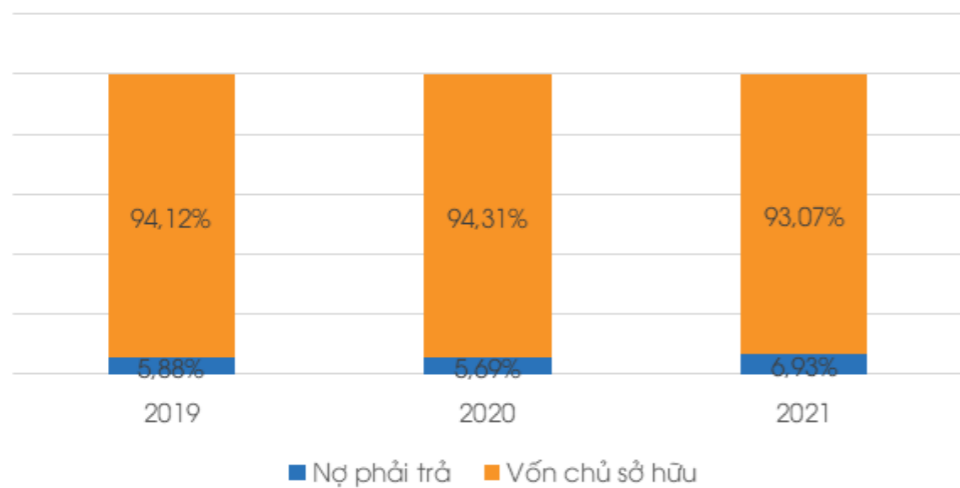
Tài sản ngắn hạn năm 2021 đạt 8.590.150.074 đồng tăng 16,43% so với năm 2020. Công ty vẫn giữ khoản mục tiền và tương đương tiền chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn do tính chất là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ. Khoản mục tiền và tương đương tiền cũng đã tăng thêm 65,88% so với năm 2020 nhằm đảm bảo tính ổn định hoạt động trong bối cảnh năm 2021 diễn biến dịch bệnh phức tạp bằng cách chuyển khoản mục đầu tư ngắn hạn thành tiền. Các khoản mục khác trong tài sản ngắn hạn có mức biến động tuyệt đối không đáng kể

Tài sản dài hạn

Tài sản dài hạn năm 2021 đạt 12.068.465.318 đồng, giảm nhẹ 6,19% so với năm 2020. Cơ cấu tài sản dài hạn chủ yếu là tài sản cố định và bất động sản đầu tư. Khoản mục tài sản dài hạn có thay đổi đáng kể nhất do ghi nhận thêm Sàn thương mại Khu đô thị An Bình City đã hoàn thành Xây dựng cơ bản. Tài sản cố định chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu tài sản dài hạn chủ yếu là các bất động sản và các phương tiện vận tải, truyền dẫn của Công ty.

Cơ cấu nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn



Chỉ tiêu	2020	Tỷ trọng	2021	Tỷ trọng	Thay đổi (%)
C - NỢ PHẢI TRẢ	1.152.792.787	5,69%	1.432.028.326	6,93%	24,22%
I. Nợ ngắn hạn	662.306.680	3,27%	1.109.708.887	5,37%	67,55%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	-	0,00%	-	0,00%	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.200.000	0,07%	72.600.000	0,35%	450,00%
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30.470.012	0,15%	203.687.219	0,99%	568,48%
4. Phải trả người lao động	126.070.000	0,62%	188.780.000	0,91%	49,74%
5. Phải trả ngắn hạn khác	324.400.000	1,60%	476.475.000	2,31%	46,88%
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	168.166.668	0,83%	168.166.668	0,81%	0,00%
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	0,00%	-	0,00%	-
II. Nợ dài hạn	490.486.107	2,42%	322.319.439	1,56%	-34,29%
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	490.486.107	2,42%	322.319.439	1,56%	-34,29%
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	19.089.489.043	94,31%	19.226.587.066	93,07%	0,72%
I. Vốn chủ sở hữu	19.089.489.043	94,31%	19.226.587.066	93,07%	0,72%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	20.000.000.000	98,80%	20.000.000.000	96,81%	0,00%
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	- 910.510.957	-4,50%	- 773.412.934	-3,74%	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	20.242.281.830	100,00%	20.658.615.392	100,00%	2,06%

Năm 2021, Nợ phải trả của Công ty là 1.432.028.326 đồng tăng 6,93% so với năm 2020, Nguồn vốn chủ sở hữu đạt 19.226.587.066 đồng tăng 0,72% khiến cho Tổng nguồn vốn tăng 2,06%. Công ty vẫn duy trì cơ cấu đòn bẩy tài chính rất thấp trong giai đoạn hiện tại khi Công ty đang hoàn thiện và phát triển thị trường. Trong cơ cấu nợ phải trả, chủ yếu là nợ ngắn hạn và trong năm 2021 khoản mục này tăng chủ yếu do khoản phải trả khác và khoản trả thuế. Trong khi đó việc Công ty có lãi cũng giúp nguồn lợi nhuận để lại của Công ty được cải thiện

THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu cổ đông (theo DSCĐ chốt tại ngày 10/02/2022)

Đối tượng	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
1. Cổ đông trong nước	2.000.000	100%	223
- Tổ chức	-	0%	2
- Cá nhân	2.000.000	100%	221
2. Cổ đông nước ngoài	-	0%	1
- Tổ chức	-	0%	0
- Cá nhân	-	0%	1
Tổng cộng	2.000.000	100%	224

Số lượng cổ phần theo cổ đông lớn

Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Địa chỉ
Nguyễn Quốc Trung	1082000	54,10%	Số 6 ngách 29/8 Tổ 31 Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Lịch sử tăng vốn

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy Đăng ký kinh doanh số 0107952805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 08 năm 2017, vốn điều lệ đăng ký khi thành lập là 20.000.000 đồng. Trong thời hạn 90 ngày sau ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, kết thúc thời điểm góp vốn (ngày 07/11/2017) các cổ đông góp 600.000.000 đồng. Và đến ngày 10/06/2019, các cổ đông góp đủ 20.000.000.000 đồng. Kể từ đó, doanh nghiệp chưa thay đổi vốn điều lệ.

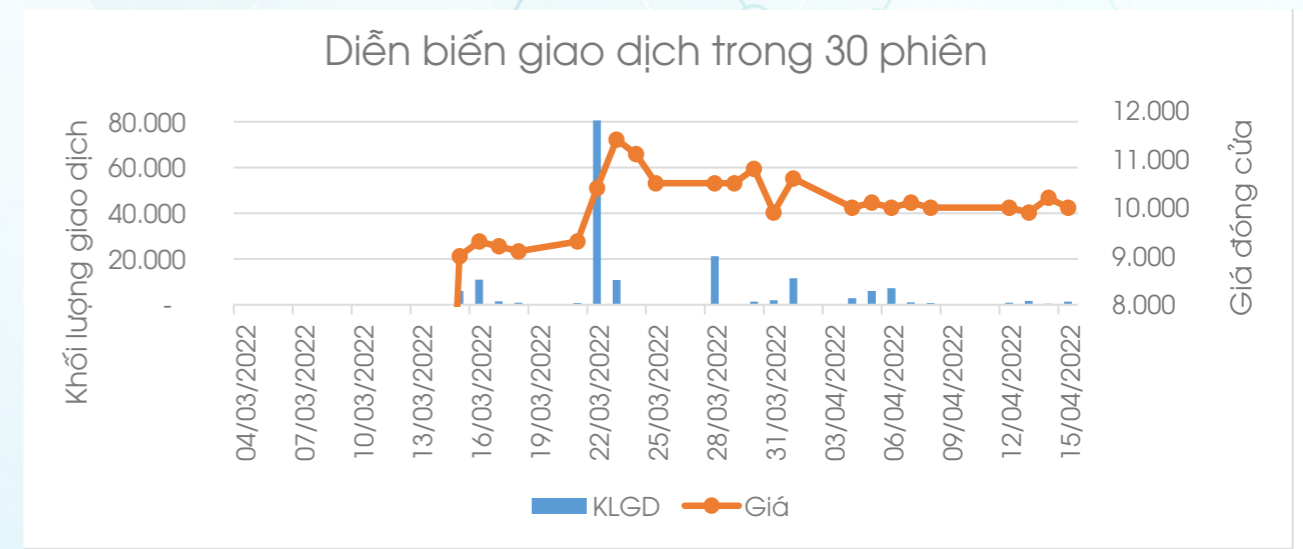
Thông tin cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư CFM

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư CFM
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	CFM
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
Ngày bắt đầu đăng ký giao dịch	Ngày 25/01/2021, Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư CFM chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CFM
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	2.000.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phiếu

Tình hình cổ phiếu (tính đến 15/04/2022)

Ngày giao dịch đầu tiên	25/01/2021
Giá trị vốn hóa thị trường	20.000.000.000
KL niêm yết hiện tại	2.000.000
KL đang lưu hành hiện tại	2.000.000
Giá cao nhất 30 phiên	11.400 đồng
Giá thấp nhất 30 phiên	9.000 đồng
KL giao dịch bình quân 30 ngày	5843 cp/ngày

Biểu đồ giá chứng khoán và khối lượng giao dịch (tính đến 15/04/2022)



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Tổng quan tình hình kinh tế Việt Nam năm 2021

Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2021

Mục tiêu và giải pháp thực hiện kế hoạch kinh

doanh năm 2022

04



TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2021

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn đối với kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Nhiều khu vực trên thế giới đã bắt đầu phục hồi nhờ có các chiến dịch tiêm chủng tuy nhiên tốc độ phục hồi là không đồng đều và biến chứng mới làm chậm lại quá trình phục hồi này. Đà suy thoái của kinh tế vẫn chưa thể dừng lại. Kinh tế Việt Nam 2021 cũng đã về đích với kết quả thấp hơn nhiều so với các dự báo trước đó ở mức tăng GDP đạt 2,58% so với cùng kỳ. Đây cũng là con số tăng trưởng thấp nhất của Việt Nam trong thập kỷ và cũng thấp hơn so với các nước Đông Nam Á và khu vực. Tiến tới 2022, Việt Nam được kỳ vọng sẽ bứt phá do thuộc nhóm nước có tỷ lệ tiêm chủng vắc xin cao nhất thế giới và đã sẵn sàng cho quá trình mở cửa bình thường. Bên cạnh đó, các gói hỗ trợ, chính sách đầu tư hứa hẹn sẽ giúp Việt Nam thu hút vốn đầu tư.

Đối với ngành dịch vụ hỗ trợ giáo dục trong năm 2021, những diễn biến của Covid-19 vẫn khiến cho hoạt động trong ngành diễn ra hết sức khó khăn do việc triển khai đào tạo trực tuyến đòi hỏi nhiều yếu tố. Tuy nhiên, do tính chất ngành ít bị tác động bởi ảnh hưởng kinh tế, dịch bệnh nên về cơ bản nhu cầu đào tạo vẫn là rất lớn và khi mà khó khăn về mặt áp dụng công nghệ trong đào tạo từ xa được áp dụng thì cơ hội để bứt phá là rất lớn. Trong năm 2022 nói riêng và xa hơn là tương lai, đây vẫn sẽ là ngành được hưởng lợi và có tiềm năng mở rộng do nhu cầu các chương trình đào tạo của Công ty sẽ tăng theo nhu cầu nâng cao năng lực quản trị của thị trường các doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế Việt Nam phát triển

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2021	TH năm 2021	TH/KH
Vốn điều lệ	Đồng	20.000.000.000	20.000.000.000	100,00%
Doanh thu thuần	Đồng	7.414.000.000	3.999.000.000	53,94%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	980.000.000	137.098.023	13,99%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,13	0,03	25,94%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	0,05	0,01	13,99%

Năm 2021, doanh thu thuần của Công ty đạt 3.999.000.000 đồng, hoàn thành 53,94% so với kế hoạch. Điều này là do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 lên thị trường đào tạo và tổ chức sự kiện. Dịch bệnh đã gây khó khăn trong việc tổ chức các khóa học offline và các dịch vụ tư vấn, đào tạo của Công ty đã khiến cho doanh thu chưa đạt được kế hoạch đề ra. Đồng thời, lợi nhuận sau thuế của Công ty cũng không đạt kế hoạch năm 2021 và thu về lợi nhuận 137.098.023

Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh năm 2021 của công ty như sau:

Nhân tố bên ngoài:

- Do thị trường chung đi xuống, ngân sách dành cho đào tạo, tham dự sự kiện, hội thảo của khách hàng có xu hướng cắt giảm rõ rệt, ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu của công ty. Quy mô thị trường (market size) bị thu hẹp.
- Nhiều doanh nghiệp cùng ngành hoạt động không hiệu quả do chi phí nhân công, phí chuyên gia, chi phí vận hành marketing cao. Chính vì vậy, các doanh nghiệp có khả năng bám trụ thị trường lại có khả năng chiếm lĩnh thị phần (market size)
- Các công ty cùng ngành nhưng thuê chuyên gia nước ngoài về đào tạo gần như ngừng hoạt động hoàn toàn do Việt Nam ngừng các chuyến bay thương mại quốc tế. Việc này tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đào tạo dùng chuyên gia trong nước có thêm cơ hội tiếp cận đến khách hàng.

Nhân tố bên trong:

- Công ty có hệ thống nhân sự gọn nhẹ, chủ yếu liên kết với các đối tác và nhà cung ứng bên ngoài nên có chi phí cố định thấp, dễ điều tiết và cân đối dòng tiền chi trả ngắn hạn.
- Công ty không xây dựng phòng marketing, truyền thông theo cách truyền thống để tìm kiếm khách hàng với chi phí cố định lớn mà tập trung vào việc chăm sóc khách hàng cũ để họ giới thiệu khách hàng mới. Việc này đặc biệt hiệu quả trong năm 2021.
- Công ty có sản phẩm/ dịch vụ chưa đa dạng, nên chưa tối ưu chỉ số Giá Trị Vòng Đời Khách Hàng (customer lifetime value). Đây là việc cần được cải thiện ngay trong năm 2022.

MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

Dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2022

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	KH 2022/TH 2021
Doanh thu thuần	3.999.000.000	7.500.000.000	1,87
Lợi nhuận trước thuế	137.098.023	1.000.000.000	7,29
Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	0%	4%	-
Lao động bình quân (người)	7	3	0,43

Giải pháp và biện pháp để thực hiện được các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022



Đẩy mạnh các dòng dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp, tăng Giá Trị Vòng Đời Khách Hàng dựa trên nền tảng các khách hàng cũ của Công ty




Nghiên cứu triển khai dòng dịch vụ đào tạo qua nền tảng trực tuyến, kịp thời thích nghi với trạng thái “bình thường mới” của Việt Nam



Tuyển dụng và xây dựng phòng marketing và truyền thông, tiếp tục gia tăng độ nhận diện thương hiệu và chiếm thị phần





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2021

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Hoạt động của HĐQT năm 2021

Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2022

05

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2021

Tóm tắt tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường

Năm 2021 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế Việt Nam nói chung, và đặc biệt khó khăn với các lĩnh vực dịch vụ không thiết yếu nói riêng (du lịch, đào tạo kỹ năng bổ trợ v.v...) do ảnh hưởng bởi Covid 19.

Công ty cổ phần đầu tư CFM (Gọi tắt là CFM) hoạt động trong lĩnh vực hội thảo, sự kiện đào tạo kỹ năng và kiến thức ngắn ngày, là một trong những lĩnh vực kinh doanh gặp rất nhiều trở ngại vì:

- Biến chủng mới làm kéo dài thời gian nghiên cứu vắc xin và gia tăng mức độ nghiêm trọng của dịch bệnh, đặc biệt khiến kinh tế Việt Nam bị đình trệ trong quý III/2021.
- Lạm phát có xu hướng tăng cộng với các đợt giãn cách xã hội khiến nhu cầu đào tạo bổ sung sụt giảm và chỉ tạm hồi phục vào quý IV/2021.

Tuy nhiên, nửa cuối năm 2021 ghi nhận một loạt các tín hiệu tích cực đối với ngành đào tạo tổ chức hội thảo ngắn ngày như:

- Việt Nam chủ trương với việc sống chung với dịch thay vì zero Covid, đảm bảo tình hình hoạt động sản xuất, văn hóa xã hội quay trở lại bình thường mới.
- Chiến dịch phủ vắc xin thành công trên cả nước.
- Thị trường Chứng Khoán Việt Nam trên đà hưng phấn, các nhà đầu tư cá nhân hoặc doanh nghiệp có tích lũy tài chính tốt bắt đầu thể hiện nhu cầu rõ rệt đến các chương trình đào tạo về kế toán, tài chính và đầu tư có chất lượng, uy tín
- Các nền tảng đào tạo trực tuyến (ví dụ: Zoom) ngày càng được khách hàng và doanh nghiệp đào tạo ưa chuộng và sử dụng thành thạo hơn.

Kết quả thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Kết quả kinh doanh năm 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2021	TH năm 2021	TH/KH
Vốn điều lệ	Đồng	20.000.000.000	20.000.000.000	100,00%
Doanh thu thuần	Đồng	7.414.000.000	3.999.000.000	53,94%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	980.000.000	137.098.023	13,99%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,13	0,03	25,94%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	0,05	0,01	13,99%

Công ty đã vượt qua giai đoạn khó khăn khi đưa lợi nhuận dương trở lại sau 2 năm không có lãi. Tuy việc thực hiện doanh thu chưa đạt được kế hoạch đặt ra do ảnh hưởng của các đợt giãn cách xã hội đặc biệt trong quý III tuy nhiên kết quả đạt được là rất khả quan. Công ty hướng tới trong các năm tiếp theo tận dụng lợi thế phục hồi của Việt Nam và sẽ bù đắp lại mức lỗ lũy kế.

Báo cáo về việc thực hiện các Nghị quyết khác của HĐQT và các định hướng chiến lược đề ra

Ngay từ đầu năm 2021, HĐQT đã lên kế hoạch bảo vệ tài sản của doanh nghiệp, hạn chế tối đa các hoạt động đầu tư có tính rủi ro thông qua 3 chủ trương chính:

- Chỉ dùng vốn chủ sở hữu, không dùng vốn vay nợ để đầu tư.
- Ưu tiên đầu tư thêm cơ sở vật chất, mặt bằng, địa điểm làm việc để ổn định hoạt động kinh doanh.
- Tìm kiếm các mô hình kinh doanh đã chứng minh sức sống tốt, hoạt động ổn định kể cả trong các đợt dịch bệnh bùng phát để phân bổ 1 phần nhỏ vốn nhân rồi của doanh nghiệp để đầu tư nắm giữ cổ phần trung và dài hạn.

Cụ thể các hoạt động đầu tư bao gồm:

- Mua bất động sản là Sàn thương mại dịch vụ tầng 02 (A2-6-02), Dự án Ngôi sao An Bình 2 (An Bình City), Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội để làm hội sở của doanh nghiệp, để các nhân sự ổn định hoạt động kinh doanh và vận hành doanh nghiệp.
- Mua bất động sản là Sàn thương mại dịch vụ tầng 01t (A2-6-01), Dự án Ngôi sao An Bình 2 (An Bình City), Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội và cho thuê tạo dòng tiền ổn định bổ sung cho công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Ban Giám đốc chưa triển khai được các hoạt động kinh doanh dịch vụ tư vấn như đã đề ra trong mục tiêu kinh doanh của năm 2021, dẫn đến doanh thu chưa đạt như mục tiêu đề ra đầu năm.
- Ban Giám đốc cần đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động truyền thông và tiếp thị để công ty có độ phủ thương hiệu mạnh hơn nữa.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021 Về nhân sự

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư CFM có 03 thành viên.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Quốc Trung	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Trần Thùy Linh	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Vũ Ngọc Thuận	Thành viên HĐQT

Thù lao và các khoản lợi ích khác của thành viên HĐQT

Căn cứ vào ngân sách thù lao mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 đã phê duyệt, trong năm 2021, Ông Vũ Ngọc Thuận đã nhận 15.000.000 đồng thù lao Thành viên HĐQT.

Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Xem phần giao dịch của công ty với người có liên quan trong Phần 2

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

Mục tiêu năm 2022

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	KH 2022/TH 2021
Doanh thu thuần	3.999.000.000	7.500.000.000	1,87
Lợi nhuận trước thuế	137.098.023	1.000.000.000	7,29
Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	0%	4%	-
Lao động bình quân (người)	7	3	0,43

Kế hoạch và định hướng hoạt động

Đẩy mạnh truyền thông và tiếp thị để tìm kiếm thêm khách hàng



Bổ sung các dòng dịch vụ đào tạo, tư vấn mới để gia tăng giá trị, đẩy doanh thu đến từ nguồn khách hàng cũ

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, các nền tảng đào tạo trực tuyến vào cung cấp dịch vụ cho khách hàng, đặc biệt là phân khúc trẻ dưới 35 tuổi



Tiếp tục mở rộng quy mô vốn, đầu tư thêm cơ sở vật chất, phòng hội thảo, hội trường tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành khác nếu phù hợp



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững

Các chỉ tiêu phát triển bền vững

06

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CFM không chỉ quan tâm đến mục tiêu thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận. CFM còn nhận thấy sự khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên, sự phát triển mất cân đối trong xã hội tạo ra các ảnh hưởng tiêu cực, làm giảm hiệu quả các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, mục tiêu phát triển bền vững của CFM là tập trung vào việc thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng kinh tế vững chắc trong dài hạn kết hợp với thực hiện các mục tiêu môi trường và xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan. Các mục tiêu phát triển bền vững cụ thể của CFM là:

- Tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông
- Cung cấp những dịch vụ đào tạo, tư vấn đa dạng, chất lượng cho khách hàng và đối tác
- Tạo môi trường làm việc tốt, an toàn, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến cho cán bộ, nhân viên
- Gắn mục tiêu kinh doanh của Công ty với các mục tiêu môi trường và xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích với các bên liên quan.

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

Chính phủ đã có rất nhiều các chính sách, chương trình hướng tới phát triển nền kinh tế xanh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Đối với Công ty, nhận thức được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường với sự phát triển của Công ty nói riêng cũng như toàn xã hội nói chung. Công ty luôn định hướng và ưu tiên vấn đề bảo vệ môi trường xanh và phát triển cộng đồng trong sự phát triển lâu dài của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM. Công ty tin rằng, để nền kinh tế phát triển lâu dài và bền vững thì phải luôn gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và Cộng đồng xã hội. Trong quá trình hoạt động, lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên luôn xem công tác an toàn sức khỏe và bảo vệ môi trường là công việc cấp thiết, cần được ưu tiên hàng đầu bằng việc thực hiện các công tác như:

- Lên kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn về môi trường nhằm áp dụng các quy định và quy chuẩn quốc gia và quốc tế của sản phẩm liên quan đến môi trường
- Lựa chọn những sản phẩm phục vụ cho mục đích đào tạo phù hợp và thân thiện với môi trường
- Quy định tắt toàn bộ hệ thống điện sau khi tan làm
- Công ty cho lắp đặt, nâng cấp toàn bộ hệ thống chiếu sáng bằng các thiết bị tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm, đèn chiếu sáng tự động bật tắt,...)

Chế độ đối với người lao động

Liên tục tạo cơ hội và thách thức trong công việc; xây dựng, triển khai chính sách thúc đẩy nghiên cứu, phát triển các giải pháp, sản phẩm có tính sáng tạo cao



Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu, đánh giá các cá nhân có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc

Mọi cán bộ, nhân viên của Công ty đều được phổ biến đầy đủ Nội quy lao động và các quy trình, quy chế, quy định liên quan ngay từ khi bắt đầu vào làm việc tại Công ty nhằm giúp cán bộ, nhân viên hiểu và nắm rõ các quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình thực hiện công việc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

07



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
CFM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ CFM
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ NỘI,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
CFM,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MS
T:0107952805
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2022.03.29 21:01:27+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.0.1

MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Đầu tư CFM được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107952805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 08 năm 2017. Công ty đã nhiều lần điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần sửa đổi gần nhất là lần thứ sáu được cấp ngày 15 tháng 09 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ông Nguyễn Quốc Trung	Chủ tịch
- Bà Trần Thùy Linh	Phó Chủ tịch
- Ông Vũ Ngọc Thuần	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

- Bà Trần Thùy Linh	Giám đốc
---------------------	----------

BAN KIỂM SOÁT

- Bà Đỗ Thị Minh Hiếu	Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Nguyễn Trọng Giang	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính này là Bà Trần Thùy Linh - chức danh Giám đốc.

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Công ty có trụ sở chính tại Sân thương mại, dịch vụ tầng 02 (A2-6-02), Dự án Ngôi sao An Bình 2 (An Bình City), KĐT Thành phố Giao Lưu, Phạm Văn Đồng, Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư CFM (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 24. Theo ý kiến của Ban giám đốc báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,


Trần Thùy Linh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022



Tel: +84 (0)24 37833911/12/13
Fax: +84 (0)24 37833914
www.bdovietnam.vn

20th Floor, Icon 4 Tower
243A De La Thanh St
Dong Da District, Hanoi,
Vietnam

Số: BC/BDO/2022. 138

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Kính gửi: CỘ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO



Nguyễn Tuấn Anh - Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 1906-2018-038-1

Phạm Thị Tú - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 2581-2018-038-1

BDO Audit Services Co., Ltd, a limited liability company incorporated in Vietnam, is a member of BDO International Limited, a UK company limited by guarantee, and forms part of the International BDO network of independent member firms. BDO is the brand name for the BDO International network and for each of the BDO Member Firms.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.590.150.074	7.377.892.616
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.492.092.890	5.119.403.512
1. Tiền	111		6.492.092.890	5.119.403.512
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.1	-	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71.609.979	222.800.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	66.000.000	122.400.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	5.609.979	100.400.000
IV. Hàng tồn kho	140		8.580.000	26.689.104
1. Hàng tồn kho	141	V.5	8.580.000	26.689.104
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.867.205	9.000.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6.1	17.867.205	9.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.068.465.318	12.864.389.214
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.394.125.716	5.345.726.276
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	7.394.125.716	5.345.726.276
Nguyên giá	222		8.577.676.091	6.077.676.091
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.183.550.375)	(731.949.815)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.8	3.875.333.327	3.955.333.331
Nguyên giá	231		4.000.000.000	4.000.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(124.666.673)	(44.666.669)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	-	2.500.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	2.500.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		402.500.000	452.500.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.2	402.500.000	452.500.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		396.506.275	610.829.607
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.2	396.506.275	610.829.607
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		20.658.615.392	20.242.281.830

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.432.028.326	1.152.792.787
I. Nợ ngắn hạn	310		1.109.708.887	662.306.680
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	72.600.000	13.200.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	203.687.219	30.470.012
4. Phải trả người lao động	314	V.12	188.780.000	126.070.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	476.475.000	324.400.000
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.1	168.166.668	168.166.668
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
II. Nợ dài hạn	330		322.319.439	490.486.107
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14.2	322.319.439	490.486.107
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.226.587.066	19.089.489.043
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	19.226.587.066	19.089.489.043
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(773.412.934)	(910.510.957)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(910.510.957)	(589.057.418)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		137.098.023	(321.453.539)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		20.658.615.392	20.242.281.830

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Trần Thanh Hương

Kế toán trưởng



Lương Thị Nhị Hà

Giám đốc



Trần Thùy Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.999.000.000	2.284.080.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.999.000.000	2.284.080.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.877.593.432	1.111.686.375
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.121.406.568	1.172.393.625
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	217.057.668	395.406.529
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	68.730.442	91.846.018
Trong đó: chi phí lãi vay	23		68.730.442	91.846.018
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.125.267.472	1.795.407.809
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		144.466.322	(319.453.673)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	531.701	3.000.134
12. Chi phí khác	32	VI.7	7.900.000	5.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		(7.368.299)	(1.999.866)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		137.098.023	(321.453.539)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>137.098.023</u>	<u>(321.453.539)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>69</u>	<u>(161)</u>

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



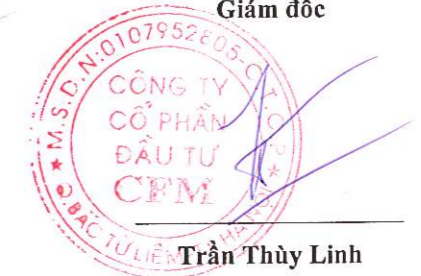
Trần Thanh Hương

Kế toán trưởng



Lương Thị Nhị Hà

Giám đốc



Trần Thùy Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		137.098.023	(321.453.539)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		531.600.564	446.267.225
- Các khoản dự phòng	03		-	(10.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.652.189)	(332.593.194)
- Chi phí lãi vay	06		68.730.442	91.846.018
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		724.776.840	(125.933.490)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		151.190.021	35.323.892
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.109.104	(26.689.104)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		447.402.207	118.287.066
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		205.456.127	(521.801.165)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		2.000.000.000	(2.000.000.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(68.730.442)	(91.846.018)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.478.203.857	(2.612.658.819)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(5.670.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	(62.813.335)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(50.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.250.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(50.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		60.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.652.189	395.406.529
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		62.652.189	(4.187.406.806)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

B03-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.1	(168.166.668)	(168.166.668)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(168.166.668)	(168.166.668)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.372.689.378	(6.968.232.293)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.119.403.512	12.087.635.805
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	8.492.092.890	5.119.403.512

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thanh Hương

Lương Thị Nhị Hà



Trần Thanh Hương

Lương Thị Nhị Hà

Trần Thùy Linh

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư CFM là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0107952805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 08 năm 2017. Công ty đã nhiều lần điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, lần sửa đổi gần nhất là lần thứ sáu được cấp ngày 15 tháng 09 năm 2020.

Công ty có trụ sở chính tại Sàn thương mại, dịch vụ tầng 02 (A2-6-02), Dự án Ngôi sao An Bình 2 (An Bình City), KĐT Thành phố Giao Lưu, Phạm Văn Đồng, Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Cung cấp dịch vụ đào tạo, tư vấn phát triển kinh doanh, xúc tiến thương mại cho các chủ dự án vừa và nhỏ muốn khởi nghiệp, mở rộng kinh doanh;
- Mua bán quyền nội dung đào tạo của chuyên gia, sau đó cấp phép li-xăng cho các chuyên gia và giảng viên khác muốn tham gia vào thị trường đào tạo mà công ty đang khai thác.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề, hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Cung cấp dịch vụ đào tạo, tư vấn phát triển kinh doanh, xúc tiến thương mại cho các chủ dự án vừa và nhỏ muốn khởi nghiệp, mở rộng kinh doanh; Mua bán quyền nội dung đào tạo của chuyên gia, sau đó cấp phép li-xăng cho các chuyên gia và giảng viên khác muốn tham gia vào thị trường đào tạo mà công ty đang khai thác,... Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không phát sinh những sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

6. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 07 người (Tại ngày 31/12/2020 là 07 người).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính của năm tài chính gần nhất.

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (không quá 03 tháng), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng) được mua để bán lại để tạo lợi nhuận.

Giá trị ghi sổ: Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Căn cứ trích lập dự phòng giảm giá: Dự phòng chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Chênh lệch dự phòng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

b) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, ...).

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02- "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 31/12/2021, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..., nên không cần trích lập dự phòng.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định, Bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ chi phí công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình đối với từng trường hợp được áp dụng phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau khi đưa tài sản cố định vào hoạt động (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận là khoản lãi hoặc lỗ và trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Tài sản cố định hữu hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính. Thời gian sử dụng ước tính được phân loại theo từng nhóm tài sản như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Phương tiện vận tải	07 năm
Sàn thương mại	50 năm

b) Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư (BĐSDT)

Bất động sản đầu tư bao gồm bất động sản đầu tư cho thuê và bất động sản đầu tư nắm giữ để chờ tăng giá.

BĐSDT được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá BĐSĐT.

BĐSDT được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

<u>Nhóm BĐSĐT</u>	<u>Năm nay</u>
Sàn thương mại	50 năm

Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty thực hiện đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Việc chuyển từ BĐS chủ sở hữu sử dụng thành BĐSĐT hoặc từ BĐSĐT sang BĐS chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Việc chuyển đổi như vậy không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của BĐS trong việc xác định giá trị hay để lập Báo cáo tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán thuế

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

b) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sử dụng phần mềm, nội thất văn phòng, ... và các chi phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng hoặc thời gian thu hồi chi phí ước tính của Công ty.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm:

<u>Loại chi phí</u>	<u>Thời gian phân bổ</u>
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	12 - 24 tháng
Chi phí sử dụng phần mềm	12 tháng
Chi phí nội thất văn phòng	24 - 36 tháng

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...).

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tắc. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Vốn góp của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh chi tiết theo hai chi tiêu: vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (ii) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (iii) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (iv) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, và từ hoạt động thanh lý các khoản đầu tư tài chính.

Lãi tiền gửi: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính: được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu khoản đầu tư được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết). Thu nhập này được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay.

Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuê môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, quảng cáo ...); chi phí bằng tiền khác (phí ngân hàng, tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	7.077.939	5.034.218
Tiền gửi ngân hàng	6.485.014.951	5.114.369.294
Cộng	6.492.092.890	5.119.403.512
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	-
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	8.492.092.890	5.119.403.512

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi 1.000.000.000 đồng có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, với mức lãi suất 3,3%/năm và khoản tiền gửi 1.000.000.000 đồng có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, với mức lãi suất 3,6%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Central Kitchen & Franchise	-	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	-	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000

2.2 Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Thăng Lợi (i)	402.500.000	-	402.500.000	402.500.000	-	402.500.000
Công ty Cổ phần CFM Lounge Việt Nam	-	-	-	50.000.000	-	50.000.000
Cộng	402.500.000	-	402.500.000	452.500.000	-	452.500.000

(i) Thông tin sử dụng để đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư là BCTC riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Thăng Lợi (tiền thân là Công ty Cổ phần Địa ốc Thăng Lợi) đã được kiểm toán.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán là bên thứ ba	66.000.000	122.400.000
Công ty Cổ phần Nội thất Bar Café	-	122.400.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	66.000.000	-
Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	-
Cộng	66.000.000	122.400.000

4. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Glexhomes	-	-	100.000.000	-
Công ty Cổ phần KVN Nhà Sài Gòn	-	-	400.000	-
Lãi tiền gửi dự thu	4.405.479	-	-	-
Phải thu khác	1.204.500	-	-	-
Cộng	5.609.979	-	100.400.000	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	8.580.000	-	26.689.104	-
Cộng	8.580.000	-	26.689.104	-

6. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn		
Phí sử dụng phần mềm	17.867.205	9.000.000
Cộng	17.867.205	9.000.000

6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	16.005.477	57.496.274
Giá trị công trình thi công nội thất tại căn penthouse	380.500.798	553.333.333
Cộng	396.506.275	610.829.607

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.536.767.000	1.540.909.091	6.077.676.091
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.500.000.000	-	2.500.000.000
Số cuối năm	7.036.767.000	1.540.909.091	8.577.676.091
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	258.059.118	473.890.697	731.949.815
- Khấu hao trong năm	231.470.688	220.129.872	451.600.560
Số cuối năm	489.529.806	694.020.569	1.183.550.375
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.278.707.882	1.067.018.394	5.345.726.276
Số cuối năm	6.547.237.194	846.888.522	7.394.125.716

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 0 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 0 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội là 846.888.522 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.067.018.394 đồng).

Tài sản cố định hữu hình của Công ty thuộc nhà cửa vật kiến trúc là Sàn thương mại dịch vụ A2-6-02 khu đô thị An Bình City với nguyên giá 2.500.000.000 đồng hiện đang cho thuê một phần. Thời điểm cho thuê tính từ 01/01/2021, đơn giá thuê hàng tháng là 5.000.000 đồng (60.000.000 đồng/năm).

8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Nhà và quyền sử dụng đất	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	44.666.669	80.000.004	-	124.666.673
Nhà và quyền sử dụng đất	44.666.669	80.000.004	-	124.666.673
Giá trị còn lại	3.955.333.331	(80.000.004)	-	3.875.333.327
Nhà và quyền sử dụng đất	3.955.333.331	(80.000.004)	-	3.875.333.327

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 0 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 0 đồng).

Nguyên giá của bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê hoặc giữ chờ tăng giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 0 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 0 đồng).

Bất động sản đầu tư cho thuê là Sàn thương mại dịch vụ A2-6-01 khu đô thị An Bình City được dùng cho thuê. Thời điểm cho thuê tính từ 01/01/2021, đơn giá thuê hàng tháng là 15.000.000 đồng (180.000.000 đồng/năm), chi phí sửa chữa do bên thuê chịu. Chi phí của bên cho thuê bao gồm chi phí khấu hao, phí dịch vụ, tiền điện, nước hàng tháng theo thực tế phát sinh.

Giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư: Tại ngày 31/12/2021 Công ty chưa thể tìm được giá trị giao dịch tương đồng với bất động sản do công ty đang nắm giữ nên chưa thể xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà và quyền sử dụng đất	-	2.500.000.000
Cộng	-	2.500.000.000

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước là bên thứ ba</i>	<i>72.600.000</i>	<i>13.200.000</i>
Phuong Beauty Global	6.600.000	6.600.000
Ông Văn Đình Sơn	-	6.600.000
Ông Phạm Hữu Hùng	66.000.000	-
<i>Người mua trả tiền trước là bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	72.600.000	13.200.000

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.241.512	319.828.429	170.112.686	161.957.255
Thuế thu nhập cá nhân	18.228.500	95.667.500	72.166.036	41.729.964
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	30.470.012	418.495.929	245.278.722	203.687.219

12. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 12	54.710.000	54.710.000
Lương tháng 13	59.100.000	52.460.000
Lương cộng tác viên	74.970.000	18.900.000
Cộng	188.780.000	126.070.000

13. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả khác ngắn hạn là bên thứ ba</i>	<i>-</i>	<i>100.000.000</i>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	100.000.000
<i>Phải trả khác ngắn hạn là bên liên quan</i>	<i>476.475.000</i>	<i>224.400.000</i>
<i>(Chi tiết phải trả khác là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)</i>		
Cộng	476.475.000	324.400.000

14. Vay và nợ thuê tài chính

14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Tăng	Giảm	
Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ				Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ
<i>Vay DH đến hạn trả</i>	<i>168.166.668</i>	<i>168.166.668</i>	<i>168.166.668</i>	<i>168.166.668</i>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội	168.166.668	168.166.668	168.166.668	168.166.668
Cộng	168.166.668	168.166.668	168.166.668	168.166.668

14.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Tăng	Giảm	
Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ				Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn</i>	<i>490.486.107</i>	<i>-</i>	<i>168.166.668</i>	<i>322.319.439</i>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội	490.486.107	-	168.166.668	322.319.439
Cộng	490.486.107	-	168.166.668	322.319.439

Chi tiết các khoản vay ngân hàng và các công ty tài chính dài hạn

(i): Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 470/2018/HDTD/THN/01 ngày 28/10/2018. Số tiền vay 1.009.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô Mercedes Benz biển kiểm soát 30F-430.05. Thời hạn vay: 72 tháng, khoản vay được giải ngân một lần vào ngày 16/11/2018. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 8,2%/năm áp dụng đến ngày 16/11/2019. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay được thanh toán định kỳ 1 tháng/lần, kỳ hạn cuối cùng trả gốc vay vào ngày 16/11/2024. Tài sản thế chấp là ô tô được mua bằng nguồn vốn vay của Công ty. Số dư tiền vay tại ngày 31/12/2021 là 490.486.107 đồng.

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	20.000.000.000	(589.057.418)	19.410.942.582
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	(321.453.539)	(321.453.539)
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	(910.510.957)	19.089.489.043
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	137.098.023	137.098.023
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	(773.412.934)	19.226.587.066

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ tư vấn đào tạo	3.759.000.000	2.145.000.000
Doanh thu nhượng quyền tác giả	-	139.080.000
Doanh thu cho thuê BĐSĐT	240.000.000	-
Cộng	3.999.000.000	2.284.080.000

Trong đó

Doanh thu bán cho bên thứ ba	3.759.000.000	2.284.080.000
Doanh thu bán cho bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số VIII.2)	240.000.000	-
Cộng	3.999.000.000	2.284.080.000

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ tư vấn đào tạo	1.704.992.183	1.004.206.371
Giá vốn nhượng quyền tác giả	-	62.813.335
Giá vốn hoạt động cho thuê BĐSĐT	172.601.249	44.666.669
Cộng	1.877.593.432	1.111.686.375

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.057.668	395.406.529
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	200.000.000	-
Lãi bán các khoản đầu tư khác	10.000.000	-
Cộng	217.057.668	395.406.529

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	68.730.442	91.846.018
Cộng	68.730.442	91.846.018

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	865.496.000	683.005.818
Chi phí vật liệu quản lý	9.039.999	45.073.717
Chi phí đồ dùng văn phòng	31.468.093	18.799.565
Chi phí khấu hao TSCĐ	426.600.552	401.600.556
Thuế, phí và lệ phí	13.000.000	11.486.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	663.318.858	618.187.453
Chi phí bằng tiền khác	116.343.970	17.254.500
Cộng	2.125.267.472	1.795.407.809

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản khác	531.701	3.000.134
Cộng	531.701	3.000.134

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản bị phạt	7.500.000	5.000.000
Các khoản khác	400.000	-
Cộng	7.900.000	5.000.000

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.109.104	23.138.196
Chi phí nhân công	1.082.906.000	942.875.818
Chi phí công cụ, dụng cụ	53.676.647	57.394.544
Chi phí khấu hao TSCĐ	531.600.564	446.267.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.648.558.139	946.723.688
Chi phí khác bằng tiền	668.010.450	490.694.713
Cộng	4.002.860.904	2.907.094.184

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Cộng	-	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán năm.

Dưới đây là bảng đối chiếu chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	137.098.023	(321.453.539)
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	7.900.000	-
Các khoản điều chỉnh tăng	7.900.000	-
Các khoản phạt	7.500.000	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	400.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	144.998.023	(321.453.539)
Lỗ năm trước chuyển sang	144.998.023	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	-	(321.453.539)
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành	-	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	137.098.023	(321.453.539)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	137.098.023	(321.453.539)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	69	(161)

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	168.166.668	168.166.668
Cộng	168.166.668	168.166.668

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Giao dịch với các bên liên quan

2.1 Danh sách bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Quốc Trung	Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Thùy Linh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Thuận	Thành viên HĐQT
Bà Đỗ Thị Minh Hiếu	Trưởng Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần truyền thông M.O.V.E Việt Nam	Chủ tịch HĐQT là ông Nguyễn Quốc Trung, Giám đốc là bà Trần Thùy Linh
Công ty Cổ phần CFM Lounge Việt Nam	Chủ tịch HĐQT là ông Nguyễn Quốc Trung

2.2 Giao dịch với bên liên quan

a. Giao dịch với thành viên chủ chốt

Họ và tên bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Quốc Trung	Lương đào tạo	51.500.000	24.300.000
	Phí sử dụng bản quyền	1.127.700.000	597.900.000
	Nhận vay nợ	-	8.600.000.000
	Trả vay nợ	-	8.600.000.000
	Lãi cho vay	-	226.666.666
Bà Trần Thùy Linh	Lương, thưởng, phụ cấp	186.791.000	104.880.000
	Thù lao	15.000.000	-
Bà Đỗ Thị Minh Hiếu	Thù lao	24.000.000	-
Cộng		1.404.991.000	18.153.746.666

b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	
		Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần CFM Lounge Việt Nam	Góp vốn	-	50.000.000
	Cung cấp dịch vụ	180.000.000	-
Công ty Cổ phần truyền thông M.O.V.E Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	60.000.000	-

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

c. Số dư bên liên quan

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Phải trả khác (thuyết minh chi tiết cho khoản mục V.13)

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Nguyễn Quốc Trung	476.475.000	224.400.000
Cộng	476.475.000	224.400.000

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thanh Hương

Lương Thị Nhị Hà

Trần Thùy Linh



XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LỆT
GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Trần Thùy Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM

Địa chỉ : Sàn thương mại dịch vụ tầng 02 (A2-6-02), Dự án Ngôi sao An Bình 2 (An Bình City), Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Website : <http://www.cfminvestment.com>

Email : admin@cfminvestment.com

Hotline : 0866885958